

TÀI HOA MỆNH BẠC: FRANZ KAFKA (1883-1924)

(Kiến Thức Văn Học Đức- Do Thái)

(Bài viết dành riêng về Âu Cơ, đứa con gái thân yêu có những cá
chất giống hệt Kafka. Chỉ xin "thấu hiểu mà đừng sợ và xa lánh Mẹ"
như Kafka đã làm đối với người cha!

(Oct. 14/2016)

(TTBG)

**/ Không khí ở Prague (Tiệp Khắc) trong phần tư đầu thế kỷ 20 thấm
đẫm hơi hướm văn chương nhiều hơn bất cứ thành phố Âu Châu nào
khác, ngoại trừ Paris. Trong bối cảnh ảm đạm đẹp như tranh và đầy
những vẽ huy hoàng cổ kính của thành phố cửa ngõ Đông Âu, ba trong
số những thiên tài văn học của thế kỷ –**Rainer Maria Rilke; Franz
Werfel và Franz Kafka**—đã xuất hiện.*

**/ Trẻ tuổi, kín đáo, dè dặt, tính tình khiêm nhường, hòa nhã, vẻ bề
ngoài thanh lịch cao quý, Kafka không phải là “nhà văn chuyên
nghiệp”, nghĩa là ông không nhìn nhận sự viết lách của mình như một
nghề nghiệp chính thức. Vào ban ngày, ông làm việc trong một văn
phòng ảm đạm; nhưng ban đêm, ông dành nhiều thì giờ cho việc sáng
tác văn chương bằng tiếng Đức một cách rất say mê.*

**/ Suốt trong quãng sinh tiền ngắn ngủi, chỉ dăm ba người bạn hiểu
được hiện tượng rối loạn kỳ lạ trong sự vĩ đại của tâm hồn Kafka. Cũng
chỉ vài kẻ tuyển chọn này mới nhận thức được nghệ thuật và ý nghĩa
quan trọng trong những truyện ngắn và ba tiểu thuyết dở dang Kafka để
lại. Do bản chất âm thầm kiêu hãnh, và cũng là khiêm nhường đạo đức,
Kafka không bao giờ muốn phô trương các bản văn của mình dưới bất
cứ hình thức xuất bản nào. Những người bạn phải thuyết phục thật
nhiều, ông mới bằng lòng để họ gửi vài bản thảo của ông đến những tạp
chí văn học ở Pargue.*

**/ Đứng trong hàng ngũ văn chương, Kafka chỉ đóng vai trò kẻ tò mò
mà thỉnh thoảng người ta vẫn gặp tại các quán cafe nào đó –một chàng
Do Thái cả thẹn, buồn sầu, bệnh hoạn, trên mặt ẩn chứa sự nghiêm
trang gằn như đáng sợ, nhưng lại có khả năng hài hước kỳ dị. Từ ông
không toát ra hơi hướm một kẻ giảng hồ du mục, mà là nét đặc biệt của
một nhà thông thái, áo quần gọn gàng lịch sự; đôi khi trên thái độ, sự
vui thú, đồng thời cũng là nỗi lo lắng bồn khoăn tỏ lộ suốt qua ánh buồn
rười rượi của đôi mắt và cả trong tiếng cười.*

**/ Luôn luôn, Kafka trông trẻ hơn số tuổi của mình. Ngay đến bức ảnh chụp năm cuối cùng trong vận số cô đơn –1924, khi ấy đã 41 tuổi, Kafka cũng tỏ bày được về lịch sử của một thanh niên trẻ trung.*

/ Rainer Maria Rilke, thiên tài thi ca cùng thời với Kafka, đã nói: **“Điều mà người ta gọi rằng ‘danh vọng’ thì thực sự chẳng là gì cả ngoài một tổng số dư luận lan truyền về một cá nhân”. Vậy, hai chữ “danh vọng” có thể nào được nói đến trong trường hợp khác thường của Kafka, con người chẳng hề kiếm tìm sự lưu tâm của độc giả và cũng chẳng bao giờ “thành công” trong ý nghĩa bình thường của từ ngữ ấy?*

**/ Kafka sống hoàn toàn xa thực tế, giống như một kẻ thô lậu chưa phát triển trước ánh sáng văn minh của đời sống; ông không thể ổn định tâm trí trong công việc tại một văn phòng u ám; ông không có sự thu hút dưới vai trò một nhà văn; ông không bao giờ kiếm đủ tiền để tự sinh sống; sức khoẻ tồi kém lại ngăn cản ông khỏi ý định lập gia đình...*

**/ Trước khi lia trần, Kafka không để lại ước muốn nào, ngoại trừ hai lá thư ngắn yêu cầu Max Brod¹, người bạn thân nhất, đốt hết tất cả mọi bản thảo của ông. Nhưng Max Brod đã không làm hành động hủy hoại kho tàng văn chương mà ông ta nhận chân ra được giá trị của nó. Cũng chính Max Brod là người có công gìn giữ và phổ biến mọi bản văn, đồng thời đã đóng một vai trò quan trọng trong mắt danh vọng đến chậm về sau của người bạn cô đơn.*

**/ Tác phẩm Kafka không phải là “ăn khách”, nhưng thật sự, hiệu quả của chúng rất mạnh, lan rộng hơn rất nhiều loại văn chương nào động giạt gần thời đại hôm nay.*

/ Một nhà phê bình đã gọi Kafka là **“vị vua cách biệt của văn chương hiện đại Đức”.*

Cuối thập niên 1920, các truyện ngắn và ba tiểu thuyết, dù không bản văn nào hoàn tất, được xuất bản qua nhiều thứ tiếng khác nhau trên thế giới.

Trong thời Adolf Hitler làm bá chủ Âu Châu, những tiểu luận về Kafka được viết không chỉ bằng tiếng Đức, mà còn cả tiếng Pháp, tiếng Anh, Tây Ban Nha, Tiệp Khắc, Thụy Điển, Hung Gia Lợi. v.v... (vào ngay chính thời gian ba cô em gái của Kafka bị giam cầm và giết chết trong những trại tập trung Đức Quốc Xã.)

Sau 1945, điều nhận thức được sự vĩ đại khó cảm biết của chữ nghĩa Kafka lần lần vượt ra ngoài lằn ranh những quốc gia nói tiếng Đức và bắt đầu gây ảnh hưởng mạnh trong văn chương Đức.

Thập niên 1960, ảnh hưởng này lan rộng ngay cả trong giới trí thức và chính trị của Xã Hội Chủ Nghĩa Tiệp Khắc.

¹ **Max Brod**, nhà văn Israel viết văn bằng tiếng Đức (1884-1968). Định cư tại Palestine năm 1939, ông trở thành giám đốc của kịch trường Habimah ở Tel-Avis, Hy Lạp. Trên hết, ông được biết đến do bởi tình bạn với Kaka; cũng chính ông là người đã cho xuất bản tác phẩm của Kafka vào năm 1937.

**/ Được nhận biết như một người trong phái Siêu Hiện Thực (Surrealisme), nhưng sự thật, Kafka không hề có ý gây ngạc nhiên và làm giật mình độc giả bởi những đòn rùng rợn, khủng khiếp phô bày trong tác phẩm. Trái lại, bằng giọng văn và ý tứ đơn giản, thẳng thắn, Kafka đã tạo được cho mình một thế giới độc đáo riêng; trong đó, mọi tác phẩm đều cùng mang dấu hiệu đau khổ từ tinh thần cho đến thân xác của một con người luôn luôn tìm kiếm một cách tuyệt vọng ý nghĩa, sự an ổn, giá trị và ý thức chủ định trong cuộc đời.*

**/ Thập niên 1940, nghệ thuật, sự chính xác mê mẩn của văn chương Kafka rõ ràng bắt đầu chiếm hữu trí óc các nhà phê bình thời đại. Từ đây, tiếng tăm ông vững chắc không ngừng. Sự biến thái văn chương bởi Kafka và sự biến thái Kafka bởi tác phẩm của ông (pha trộn giữa những yếu tố cổ điển với nghệ thuật Baroque², giữa sự huyền diệu lãng mạn với sự chính xác thực tế) là một biến cố phải kể rằng lớn lao, đây sức mạnh thu hút trong lịch sử văn học thế giới kể từ thời kỳ Văn Chương Lãng Mạn, gây ảnh hưởng và tạo cảm hứng rất nhiều cho những nhà văn đi sau trên cả hai phía của vùng bờ biển Đại Tây Dương.*

**/ Nghiên cứu về Kafka, người ta không thể ngăn cách tác phẩm với con người nhà văn. Bởi, thay vì nhận lấy vai trò chỉ đạo, Kafka đã “tự để cho mình bị điều khiển bởi tác phẩm” đến mức tạo nên được “một sự hợp nhất giữa tác giả và tác phẩm”. Tác phẩm không phải là một vật thể đang tiến đến bước hoàn hảo dưới bàn tay tạo dựng của Kafka, mà nó chính là một “ông chủ”, và dưới uy quyền của kẻ ấy, nhà văn đang tự biến thành nô lệ, nạn nhân.*

**/ Theo quan điểm Kafka, con người chỉ là sinh vật bị quay cuồng trong một mớ những ước muốn mướt mà như nhung gấm, nhưng đằng sau nó là ngọn lửa sự thật bùng cháy không thể dập tắt. Đó chính là “sự thật” mà Kafka theo đuổi tìm kiếm và mong khám phá, dù rằng ông cũng biết điều ấy bị ngăn cấm và sự đến gần nó thì sẽ làm nguy đến tính mạng.*

**/ Ngay cả khi còn thanh niên, những đối trá của cuộc sống xã hội không làm Kafka trở thành nô lệ cho nó. Ông có cách cư xử rất dờ, bất hòa, không hạnh phúc, nhưng không hề tự dối chính mình, không bao giờ ngừng tìm kiếm, và tia sáng của đôi mắt ông chính là “nguồn sáng duy nhất” trong “bóng tối dày đặc” mà ông đã sống.*

**/ Và dấu cho có là Joseph K., Raban, Georg Samsa, Người Quán Lý, Josephine-Người-Ca-Sĩ, Chàng Nghệ Sĩ Đói, hay Chàng Nghệ Sĩ Đu Thang, những nhân vật trong các tác phẩm Kafka vẫn không ai khác hơn là chính ông.*

**/ Ngờ vực và mang mặc cảm tội lỗi về sự sinh ra của con người, sự tồn tại, nghĩ ngợi, và về tình thương nhân loại, suốt đời nhà văn vẫn*

² Nghệ thuật Baroque là từ ngữ chỉ sự tự phát triển theo chiều hướng lạ lùng kỳ dị, xuất phát từ Ý Đại Lợi từ cuối thế kỷ 16 đến cuối thế kỷ 18, sau lan tràn qua nhiều nước Âu Châu và Châu Mỹ La Tinh.

mong tìm kiếm một nơi chốn đón tiếp ông. Nhưng để đi vào nơi ấy, ông phải có khả năng xét đoán sự hiện hữu của mình trong mắt nhìn kẻ khác và cũng luôn cả của chính ông. + Đó là điều mà Kafka không thể làm. Thêm nữa, đè nặng trên vai Kafka chính là hoàn cảnh gia đình, sự kiện đã ngăn cản ông khỏi “tính tự chủ thật sự trong cuộc sống và tâm tư.”

**/ Nhà văn đã viết: “Trong một thế giới dối trá, kẻ dối trá không thể bị tàn diệt ngay cả bởi kẻ đối nghịch của hắn, mà chỉ có thể bị tàn diệt bởi Sự Thật”.*

Vậy, có phải điều được gọi là “thế giới dối trá” này không bao giờ ngừng phủ xuống trên Kafka?

[]

I.

(1883--1906)

1.

FRANZ KAFKA chào đời ngày **3/7/1883** trong ngôi nhà nằm ở góc đường Karpfengasse và Maisegasse, thuộc một gia đình trung lưu cư trú nơi một trung tâm thương mại ở Prague, Tiệp Khắc. Ông là con trai thứ ba trong số 6 người con (hai người anh Kafka đã chết khi còn thơ ấu) của hai ông bà Hermann Kafka (1852-1931) và Julie Lowy (1856-1934).

**/ Sống trong một quốc gia sụp đổ đang bị thống trị bởi đế chế Áo-Hung, một người nói tiếng Đức giữa đám người sử dụng ngôn ngữ Tiệp, một đứa trẻ Do Thái giữa đám trẻ không phải Do Thái, Kafka chắc chắn đã sắc bén nhận thức được rất sớm sự thừa thãi của (những người như) ông.*

/ **Sự học Kafka bắt đầu năm **6 tuổi** trong một trường tiểu học Đức tên Masnytrh thuộc khu Fleischmarkt ở Prague.*

**/ Mười tuổi, ông được chuyển sang Stromestké, trường trung học Đức nổi tiếng có lối giáo dục tốt nhất thành phố. Luôn luôn tỏ ra là cậu học sinh cách biệt với tất cả mọi người, Kafka không thích giao thiệp ngay cả với các bạn cùng lớp.*

/ **Sống trong gia đình cha mẹ ở số 36 Niklasstrasse (bây giờ là Parizska), rồi sau đó là căn nhà góc đường Niklasstrasse và Staromestké Namesti (thuộc khu phố cổ), bao giờ trên thái độ Kafka cũng biểu lộ sự mất tự tin về cuộc đời.*

**/ Trạng thái mất mát thua thiệt và ý tưởng về tính cách không hòa giải được ngay cả với những vấn đề bình thường nhất của con người đã đè nặng tuổi trẻ Kafka; sau này làm nền tảng cảm hứng cho nghệ thuật của ông.*

**/ Và cũng bởi vì điều hoài nghi không ngừng này mà trong suốt cuộc sinh tồn ngắn ngủi, Kafka tỏ ra lưu tâm với sự ngạc nhiên và khâm phục quá mức tất cả những gì thuộc về “sự xây dựng, khả năng khám phá và thực hiện của con người trên những điều hợp nhất trong xã hội”,*

các sự việc được nhà văn đặt cho giá trị rất cao nhưng cũng luôn tin tưởng rằng chúng nằm ngoài tầm tay vói của ông.

2.

Trong gia đình, dẫu thương mẹ nhưng Kafka lại không gần gũi bà mà chỉ thân duy nhất với Ottla, cô em gái út.

*/ Tuy nhiên, từ người cha -- “một khuôn mặt kinh khủng” theo kiểu phân tâm học của Freud³ – mà Kafka gặt hái những ấn tượng sẽ chế ngự suốt cả đời mình.

*/ Xuất thân là con trai một đồ tể ở Wossek, ông Hermann Kafka từng bị đau khổ nhiều trong thời thơ ấu. Dáng dấp cao lớn, tính tình nóng nảy hống hách, ăn nói gay gắt thô lỗ nhưng không ngu ác ý, ông Hermann Kafka đã sống suốt cuộc đời chỉ huy, làm việc cật lực để gây dựng nên một gia đình với vật chất vững định.

*/ Hẳn nhiên vì những thành công như thế, ông luôn luôn tỏ bày sự chế giễu các sở thích viển vông lãng mạn của cậu con. Hai khí chất tương phản rất nổi bật: một phía là người sống bề ngoài, lạc quan, tự phụ, thực tế, tích cực; một bên là kẻ sống nội tâm, yếu đuối, khiêm tốn, loạn thần kinh, trí thức, nghệ sĩ, luôn luôn tìm kiếm ý nghĩa đằng sau mọi sự vật. Người cha mang hình ảnh của vị chúa tể chuyên quyền, ngăn cản cậu con nhặt lấy trái quả tươi đẹp của cuộc đời và thường xuyên (một cách gián tiếp) đặt lên vai cậu gánh nặng ý nghĩ về các Tội Tố Tông, Sự Cứu Chuộc, Sự Phạm Tội, Hình Phạt, Sự Cô Đơn Của Con Người, Sự Giải Đoán Bí Mật Trong Phiên Tòa Cuối Cùng Của Thượng Đế...

*/ Tóm lại, Kafka tự đeo vào mình “nỗi ám ảnh bởi tất cả những loại sợ hãi”; một “cảm nghĩ tội lỗi vô bờ bến không lúc nào ngừng dẫn dắt” nhà văn.

*/ Quả thật, trong trọn cuộc đời, Kafka luôn bị cái bóng của người cha đầy quyền lực và bệ vệ khác thường đè nặng. Nhà văn tôn trọng và sợ hãi cha từ sức mạnh và sự linh động toát ra nơi con người ông. Cũng vậy, luôn luôn trong trí tưởng cậu con, kẻ mơ hồ nhận thức được sự thất bại của mình về tất cả mọi vấn đề thực tế trong cuộc sống, hình ảnh người cha lưu lại như tấm gương sáng loáng, dù rằng cũng chính tấm gương của con người thương buồn nhiều tham vọng ấy đã làm tê liệt gần hết mọi năng lực Kafka.

*/ Trong nhiều cuộc đời “bình thường”, tình thương có thể làm hóa giải mọi xung khắc cha con. Những xung khắc tương tự cũng được tìm

³ Sigmund Freud (bác sĩ người Áo, 1856-1939, sáng lập khoa Tâm Lý Học).

thấy trong sự liên hệ giữa nhiều nghệ sĩ với gia đình họ; ví dụ như Kierkegaard⁴; Gérard de Nerval⁵, Baudelaire⁶, Marcel Proust⁷, hay Katherine Mansfield⁸.

Tuy nhiên, điều ấy không thích ứng với Kafka, cũng như đã từng xảy ra cho Kierkegaard⁹. Đặc biệt Kafka, sự tương phản này làm nổi lên một hiệu quả bệnh hoạn trên chính con người ông: "Mặc cảm Œdipe¹⁰ kiên quyết như một dấu hiệu của tôn giáo". Người cha có quyền hành tuyệt đối, lúc nào cũng bận rộn với việc "*ra lệnh*", và "*nổi cáu*". Còn cậu con lại sống như "*một kẻ nô lệ*."

*/ Liên hệ cha con, kết hợp bởi tình thương mà không có sự thông cảm hiểu biết, được nói rõ trong một tài liệu đặc biệt – một lá thư dài 61 trang đánh máy mà vào năm 1919, khi 36 tuổi, Kafka đã viết cho cha.

*/ Đó là một bản tự tiểu sử tỉ mỉ, một dữ kiện rất cần thiết trong sự tìm kiếm để hiểu thấu nỗi bí mật của Kafka; xuyên qua đó, Kafka cố gắng trả lời câu hỏi dấy lên bởi người cha: "Tại sao con sợ và xa lánh cha?":

⁴ Kierkegaard, nhà văn-triết gia Đan Mạch, (1813-1855)

⁵ Gérard de Nerval, nhà văn Pháp, (1808-1855).

⁶ Baudelaire, thi sĩ Pháp, (1821-1867)

⁷ Marcel Proust, nhà văn Pháp, (1871-1922)

⁸ Katherine Mansfield, nữ văn sĩ Anh, (1888-1923).

⁹ Sự nổi bật ở đây là mối ràng buộc tinh thần và đạo đức giữa hai số phận Kafka và Kierkegaard. Dù rằng sống cách xa nhau hàng trăm dặm và đến ba phần tư thế kỷ, Kierkegaard và Kafka được liên kết bởi rất nhiều dấu vết trùng hợp mà họ đã trải qua. Cả hai đều xuất thân giai cấp trung lưu, gia đình sung túc do từ sự cần cù tạo dựng mà đưa đến thành công. Cả hai đều bị kềm chế bởi quyền hành của người cha thiên cận tự mãn và đều cố gắng thoát khỏi sự kềm chế ấy bằng cách lập gia đình, một điều mà cả Kierkegaard lẫn Kafka rất cần thiết và không có khả năng thực hiện; hơn nữa, chẳng ai trong số hai người dám ký kết một cuộc hôn nhân. Hay nói khác hơn, tự Kafka từ chối điều ấy.

¹⁰ **Œdipe**: Xuất phát từ chữ *Oidipous* trong thần thoại Hy Lạp, là con trai Laios, vua xứ Thèbes, và hoàng hậu Jocaste. + Một nhà tiên tri đã tiên đoán rằng con trai Laios sau này sẽ giết chết ông và cưới mẹ làm vợ. + Do đó, từ khi mới chào đời, đứa nhỏ bị gửi đi tới xứ Corinth và được nuôi dưỡng bởi vua Polybos. + Lớn lên, Œdipe nghe theo lời khuyên của vua xứ Delphes rằng nên xa khỏi quê hương để tránh đi nỗi đau khổ phải giết cha và cưới mẹ làm vợ. + Trong xứ Phocide, Œdipe gây gỗ với một kẻ du hành và giết chết kẻ ấy: **đó là Laios**. + Sau đó, chàng đi đến Thèbes, gặp Sphinx, con sư tử đang nằm ngủ, tượng trưng cho sức mạnh tối cao, bảo vệ điều Thiện và cũng là cừu địch đáng sợ của những kẻ nổi loạn. Sphinx đặt cho chàng những việc khó làm mới cho chàng đi qua. + Chàng đáp lại được hết những đòi hỏi của Sphinx. + Dân chúng Thèbes nhận ra Œdipe và đưa chàng lên làm vua, có Jocaste làm vợ. + Lời tiên tri đã hoàn tất. + Nhưng sau khi mọi sự thật được phanh phui, hoàng hậu tự treo cổ chết. + Phần Œdipe cũng tự đâm thủng mắt mình, rồi bị chính những đứa con trai của mình (và Jocaste) săn đuổi trong Thèbes. + Chàng được Antigone dẫn đường, lang thang tới vùng Attique; cuối cùng, biến mất một cách bí mật ở xứ Colone.

“Ít hay nhiều, đây vẫn là quan niệm của cha: Cha làm việc cật lực suốt cả đời, cha thỏa mãn tất cả mọi sự cho các con của cha, đặc biệt là con; nhờ đó, con đã có một cuộc sống vô tư lự, được hoàn toàn tự do học hỏi những cái gì con ao ước, được bảo vệ khỏi những lo lắng vật chất. Và thật, con đã không có những lo nghĩ gì cả. Cha cũng không đòi hỏi con lòng biết ơn đáp trả, bởi vì cha hiểu thế nào là “lòng biết ơn của trẻ con”, nhưng cha chờ đợi ít nhất một sự tử tế nhỏ, một dấu hiệu của tình cảm. Thay vào đó, con luôn luôn chạy trốn cha, tìm ẩn nấp trong phòng với những quyển sách, hay những ý tưởng ngông cuồng vô lý. Con chưa bao giờ dám tâm tình với cha (...) không bao giờ tham gia như một phần tử trong gia đình, không bao giờ được nhận một phần trách nhiệm trong công việc của cha hay trong những dịch vụ khác...”

Tuy ban hành điều luật, nhưng ông Hermann Kafka là một người không hề tuân theo những gì mà ông đã đặt:

“Tại bàn ăn, chúng con không được quyền cắn gậy cái xương gà, nhưng cha thì được. Chúng con không có quyền nốc ừng ực, còn cha thì cứ tự do (...) Chúng con phải cẩn thận không dám đánh rớt một mẩu bánh nhỏ trên sàn nhà, nhưng mỗi bữa ăn, luôn luôn chung quanh chỗ cha ngồi, có nhiều mẩu bánh vụn hơn bất cứ chỗ nào! Chúng con không được làm gì khác ngoài việc ăn, còn cha thì vét sạch đĩa và cắt móng tay, gọt nhọn cây bút chì, ngoáy tai với cái tăm xia răng (...)”

*/ Sự sống hay chết trong tất cả mọi mục đích hoặc ước muốn riêng của Kafka đều tùy thuộc vào sự xét đoán của cha:

“Mọi can đảm, quyết định, tâm sự hay vui thú của con cho một điều nào đó không thể tồn tại nếu như bị cha phản đối; và con đâm ngờ vực hầu hết mọi điều con làm...”

Tuy nhiên, một khía cạnh của công việc văn chương được Kafka bày tỏ trong lá thư bằng những lời rất cảm động:

“Cha là đối tượng cho những quyển sách của con. Trong chúng, con trút đổ tất cả mọi nỗi buồn mà con không thể úp mắt vào ngực cha để thổ lộ...”

Nỗi sợ hãi đã khiến Kafka –kẻ có tài biện thuyết rất đặc biệt— đâm thành ngập ngừng run rẩy mỗi khi đối diện cha:

“Với con, cha có phẩm chất bí mật mà tất cả các bạo chúa đều có, một thứ phẩm chất, đặc quyền dựa trên cá nhân chứ không phải trên lý lẽ (...) “khi có sự hiện diện của cha, lời nói con trở nên lấp bắp. Cha là người nói năng rất lưu loát, nhất là đối với

những vấn đề cha ưa thích; vì vậy sự lấp bắp của con quá thật làm sốt ruột cho cha. Cuối cùng thì con cảm hẳn bởi vì không thể nói cũng chẳng thể nghĩ được gì khi đứng trước mặt cha...”

*/ Dẫu muốn có hạnh phúc chẳng nữa thì cậu con cũng không biết tìm nơi đâu:

“Nơi ẩn trốn duy nhất của con chính là những chỗ mà cha không màng đến, hay là vượt qua tầm với của cha”.

*/ Kafka kết luận, pha nét khôi hài:

“Xem thế đủ biết cha lớn như thế nào trong sự tưởng tượng của con.”

*/ Hiên nhiên, nguồn cội sức mạnh và quyền hành quá đặc biệt của người cha đã tạo nên trong cậu con một sự mâu thuẫn ghê gớm: Kafka vừa cảm nghe xa cách lại cũng vừa gắn chặt vào cha. Nhà văn không bao giờ có thể trả lời câu hỏi căn bản của người cha: *“Con là ai? Con ước muốn điều gì? Con đi đâu?”* Ông cũng không bao giờ có thể xét đoán nổi sự hiện hữu của mình. *“Đáng thương”* dưới cái nhìn của cha, Kafka lưu lại như thế trong đời sống.

*/ Riêng người mẹ, dù lo lắng cho con, cũng bị ảnh hưởng quá nhiều từ sự nghiêm khắc của chồng để không đóng vai trò độc lập trong gia đình được. Do đó, cậu nhỏ Franz bị đẩy đến sự cô đơn băng giá cực độ mà cậu đặt tên là **“Russian”**.

3.

Giống như nhân vật trong truyện *The Intelligence Office* của Nathalie Hawthorne¹¹, Kafka lúc nào cũng ao ước: *“Tôi muốn sống trong cái xó của tôi, nghĩa là cô đơn, tuyệt đối cô đơn và hoàn toàn cô đơn”*.

Thật vậy, ***nhà văn chỉ cảm nghe an ổn khi lưu lại trong căn phòng mình***, dưới mái gia đình có truyền thống mạnh mẽ về đức tin tôn giáo lúc nào cũng chỉ quan sát nội tâm suốt mọi ý tưởng về hôn nhân, trẻ con, và sự chấp hành một nghề nghiệp danh dự trong cuộc sống.

*/ Suốt tuổi thiếu thời, Kafka trải qua trong ảnh hưởng của điều đau khổ căn bản này, dưới cái nhìn xét đoán của người cha *“luôn luôn nổi giận, luôn luôn làm kinh hãi con cái.”* Tại trường học, nhà văn không ngớt mừng tượng đôi mắt người cha trên khuôn mặt các vị giáo sư và gần như sợ hãi tất cả mọi điều xảy ra với ông hay với người khác.

*/ Thời thanh niên, Kafka mắc phải tính lãnh đạm mà ông tin tưởng là điều sẽ bảo vệ được ông, chống lại sự ghét bỏ của thế giới chung

¹¹ Nathalie Hawthorne, (nữ văn sĩ Mỹ, 1804-1864).

quanh. Và để làm giảm bớt sức đè nặng của người cha, *Kafka tìm trốn chạy trong văn chương*. Nhà văn không chống trả. Thay vì kết án cha, Kafka ưa thích nghĩ rằng chính ông mới là người lầm lỗi. Sự cô đơn và bị kềm chế làm nảy sinh trong Kafka một cảm nghĩ phạm tội, chìa khóa mở ra cho cuộc đời và mọi tác phẩm tương lai của ông.

*/ Dần dần, Kafka tự cô lập mình với toàn thể xã hội bên ngoài. Nét kỳ dị được khai triển, tác động mạnh trên nỗi đam mê “đơn độc” và đạt tới một cường độ chưa từng có trong thế giới văn chương.

[Sau này, các nhân vật chính trong những sáng tác hàng đầu của Kafka rõ ràng đã bị đè bẹp bởi một quyền lực ghê gớm. Max Brod, người bạn thân lâu dài, kể lại rằng, trong rất nhiều cuộc trò chuyện, Kafka thường xuyên tỏ bày sự tự khinh rẻ mình, cũng như sự thần phục dữ dội đối với cha.]

4.

Nỗi ưa thích sâu đậm của Kafka là văn chương và sự sáng tác. Với Kafka, ngôn ngữ không chỉ là phương tiện, lại còn là mục đích không thể tách rời khỏi đời sống. Nếu như thiếu năng lực viết lách, nhà văn có thể tự trốn vào trong thú vui hay cuộc sống xã hội bình thường. Hoặc giả cảm thấy có đủ sức mạnh chịu đựng, ông có thể đã phản kháng; hơn nữa, nếu như tìm được tình cảm hòa hợp gia đình, Kafka đã đủ khả năng vượt qua hoàn cảnh hiện tại khi ấy. Bất hạnh thay, tất cả mọi con đường này đều đóng lại trước mặt nhà văn!

*/ Khuôn mặt sáng sủa, lịch sự, tính nhạy cảm, chu đáo, đặc biệt có tài trò chuyện –dẫu rằng rất bi quan, Kafka được bạn hữu tôn trọng thật sự. Họ thường bị xúc động theo “*tính chắc chắn sâu thẳm*” của trí thông minh cùng sự độc đáo bất biến trong những từ ngữ ông dùng. Họ cũng nhận biết khả năng văn chương phong phú từ ông và ngạc nhiên rằng tại sao ông không đem sử dụng khả năng ấy vào với những thực tế của đời sống. Max Brod kể lại, trong thời thanh niên, Kafka là người bạn tốt hay giúp đỡ kẻ khác, một tay bơi lội giỏi, chèo thuyền khá. Những cá chất Kafka có thể tóm tắt trên bốn dấu nét không bao giờ thay đổi: *Kiến thức rộng, tính khiêm nhường, tính chân thật và sự không đủ khả năng chế ngự cuộc đời riêng mình.*

*/ Nếu bảo rằng Kafka là người có kiến thức rộng về văn chương thì không phải là điều đáng ngạc nhiên. Ngay từ khi còn ngồi ở bậc trung học, những tác phẩm lớn trên thế giới đã được ông tìm hiểu rất tường tận (để rồi suốt cả đời về sau, ông vẫn không ngừng bị lôi cuốn bởi chúng).

Sự học vấn của Kafka bao gồm ngoài việc rèn luyện kinh Talmud¹² theo truyền thống trong bước khởi đầu của một người Do Thái trẻ tuổi, ông còn phải tập trung sự tìm hiểu vào các môn học cổ điển Đức, bổ sung thêm bởi những tác phẩm chủ yếu của Tây phương.

*/ Việc đọc sách của Kafka không chỉ qua loa trên những đề mục nhỏ, mà là tìm hiểu sâu xa tác phẩm và cuộc đời các nhà văn ông hằng ngưỡng mộ. Theo Max Brod kể lại, tình cảm dành cho Goethe¹³ và Flaubert¹⁴ trong tâm hồn Kafka không hề thay đổi trong suốt 22 năm họ kết thành bạn thiết. Trường hợp có vài nhà văn, như Hebbel¹⁵ và Grillparzer¹⁶, Kafka thích đọc nhật ký của họ hơn là tác phẩm.

*/ Max Brod kể:

“Tôi không bao giờ nghe Kafka tỏ ra dấu hiệu khiếm nhã nào đối với sự tuyệt diệu của các tác phẩm lớn. + Hoặc không bao giờ nghe anh ấy sử dụng những từ ngữ cục mịch, thô kệch, điều đang rất phổ thông trong thời buổi này...”

*/ Trong văn chương Pháp, Kafka thích đặc biệt Pascal¹⁷, Balzac¹⁸ và Flaubert. + Ông thường đọc các tác phẩm của họ bằng nguyên bản tiếng Pháp.

*/ Giữa những nhà văn đương thời Pháp, Kafka thích Francis Jammes¹⁹ và Claudel²⁰ –mà ông gặp khi Claudel sau này sang làm lãnh sự ở Prague.

*/ Ông cũng đọc kỹ Spinoza²¹, Nietzsche²², Darwin²³; hoặc các văn bản cổ của Protagoras²⁴; và trở đi trở lại mãi với Thánh Kinh, cũng như các tác phẩm của Platon²⁵, Goethe.

*/ Giữa những nhà văn lớn hiện đại người Đức, Kafka dành một chỗ đứng quan trọng cho Hermann Hesse²⁶, Thomas Mann²⁷, Hans

¹² **Talmud**, quyển sách rất quan trọng của Do Thái giáo, xuất hiện đầu thế kỷ thứ 3, chuyên nghiên cứu và giải đoán bộ kinh Torah, gồm 5 quyển bằng tiếng Hébreu, trong đó bao gồm những điều cốt tủy của điều luật Moses.

¹³ Goethe (văn hào Đức, 1749-1832).

¹⁴ Flaubert (nhà văn Pháp, 1821-1880).

¹⁵ Hebbel (nhà văn Đức, 1813-1863).

¹⁶ Grillparzer (nhà văn Áo, 1791-1872).

¹⁷ Pascal (nhà toán học-văn sĩ Pháp 1623-1662)

¹⁸ Balzac (văn hào Pháp, 1799-1850).

¹⁹ Francis Jammes (nhà văn Pháp, 1868-1938).

²⁰ Claudel (nhà văn Pháp, 1868-1955).

²¹ Spinoza (triết gia Hòa Lan, 1632-1677).

²² Nietzsche (triết gia Đức, 1844-1900).

²³ Darwin (nhà Tự Nhiên Học người Anh, 1809-1882).

²⁴ Protagoras (triết gia Hy Lạp, 486 id-410 trước Thiên Chúa giáng sinh).

²⁵ Platon (triết gia Hy Lạp, 427 id- 348 trước Thiên Chúa giáng sinh).

Carossa²⁸ và luôn cả Wilhelm Schafer²⁹, Emil Strauss³⁰. (Tuy nhiên, dấu nét các nhà văn này không hề được tìm thấy trong những sáng tác của Kafka về sau.)

*/ Sự thật, Kafka chịu ảnh hưởng Thánh Kinh (mà mọi ý nghĩa trong đó truyền ngấm và tạo thành nền móng vô hình cho trí não ông). Một cách tự nhiên, ông cũng lưu tâm đặc biệt đến tư tưởng Kierkegaard, người mà tác phẩm thường có những điểm tương đồng với của chính Kafka.

*/ Kafka lại là một độc giả có sức thẩm thấu nghệ thuật rất cao. Khi đọc và nói về một bản văn, dù là bản văn ít ý nghĩa nhất, hay là những chương sách đáng chán của Georges Ohnet³¹, Kafka vẫn có thể truyền đạt dễ dàng sự linh động của mình vào trong ấy.

*/ Sau khi tham dự cuộc trình diễn nhạc kịch của một đoàn kịch Do Thái–Ba Lan, sử dụng ngôn ngữ Yiddish (một thứ tiếng Đức cổ của người Do Thái ở Trung và Đông Âu), Kafka trở nên thích thú với sự thừa kế giọng máu Do Thái của mình. Ông kết bạn với một nam diễn viên chính trong đoàn kịch dù không thể mời anh ta về nhà do từ sự cấm chỉ của ông Hermann Kafka rằng “*anh ta, kẻ ngủ chung với những con chó, sẽ mang đầy rận đến nhà*”. Từ người diễn viên này mà Kafka biết thêm nhiều về kinh Talmud, ngôn ngữ Hebrew và truyền thống Hasidic (một chuyển động tôn giáo của người Do Thái ở Đức thế kỷ 12-13, kết hợp sự khổ hạnh với những ngụ ý trong thuyết thần bí).

*/ Có thể gọi sự khiêm nhường của Kafka là một cái mặt nạ lẫn tránh ông dùng quan sát những kẻ đương thời. Và sự khiêm nhường ấy tồn tại một cách nghịch lý với cái nhìn mỉa mai châm biếm mà ông đặt để trên mọi người và mọi sự vật. Yếu tố hoạt kê được diễn tả trong tác phẩm chỉ nảy sinh từ hậu quả tự nhiên của tính thành thật khiêm nhường trong cá chất. Kinh nghiệm riêng dạy cho Kafka biết rằng ngay cả đến điều thần bí nhất cũng có bộ mặt hài hước của nó. Những chịu đựng đau khổ phải bị đông cứng lại trong nước mắt, làm tê liệt tiếng khóc bên ngoài, tao thành cái mặt nạ hài hước ghê gớm như một niềm an ủi duy nhất cho ông.

*/ Tuy nhiên mọi khó khăn nhỏ nhất gặp trong đời, với Kafka cũng đều trở nên là những ngọn núi ngất ngưỡng. + Câu phương châm nổi tiếng khắc trên cây gậy của Balzac (“*Tôi đập vỡ tất cả mọi chướng ngại*”) được Kafka đảo nghịch thành một đề từ cho chính ông: “Tất cả mọi chướng ngại đều đập nát tôi!” + Và nếu khám phá ra điều gì đó kỳ

²⁶ Hermann Hesse (nhà văn Đức, 1877-1962).

²⁷ Thomas Mann (nhà văn Đức, 1875-1955).

²⁸ Hans Carossa (nhà văn Đức, 1878-1956).

²⁹ Wilhelm Schafer (nhà văn Đức, 1868-1952).

³⁰ Emil Strauss (nhà văn Đức, 1866-1960).

³¹ Georges Ohnet (nhà văn Pháp, 1848-1918).

quặc trong các bậc vĩ nhân mà ông ngưỡng mộ, Kafka thường tỏ bày “*sự tiếc nuối hoàn toàn với một giọt lệ nóng.*”

5.

Người cha để cho Kafka tự do lựa chọn nghề nghiệp riêng.

“Nhưng tôi có được tùy ý sử dụng tự do ấy không? Tôi có đủ tự tin trong chính mình để chọn lựa một nghề nghiệp thật sự không? (...) Tôi thường tự nhủ: đối diện với thực tế, tất cả sẽ trở nên khác biệt (...) Điều quan trọng là làm sao tìm cho được nghề nghiệp nào phù hợp với tính lãnh đạm của tôi. Xem ra môn Luật hầu như là một chọn lựa hiển nhiên thích hợp.”

*/ Vì lẽ ấy mà vào năm 18 tuổi, 1901, đầu ưa thích trau giồi một thứ ngôn ngữ Đức hoa mỹ và đã theo học văn chương Đức một thời gian ngắn tại Đại học Prague, Kafka cũng bỏ ngang để chuyển sang học Luật.

*/ Max Brod, người bạn thân với Kafka từ năm 1902, làm rõ ràng sự việc hơn bằng lời giải thích sau đây:

“Cả hai chúng tôi thành thật cảm nghe thu hút bởi con đường viết lách, nhưng đó là điều không được chấp thuận; hơn nữa, chúng tôi có cái nhìn quá cao về nghệ thuật văn chương để khó lòng nối kết nó với những nỗi tầm thường của từ ngữ ‘kiếm sống’. Ngoài ra, chẳng ai hướng dẫn chúng tôi, không ai chỉ cho chúng tôi thấy đường nào nên đi, giá như có con đường ấy thật.”

*/ Những bài học chuyên môn về Luật từ **năm 1901-1906** tại trường đại học Đức (Karl Ferdinand) đè nặng trên Kafka, con người—một cách tự nhiên—bị chế ngự hoàn toàn bởi các vị thầy hay là bởi “*quyền lực phù thủy*” của người cha. Với điều này, một người bạn gái Kafka kể lại câu chuyện, một lần cô mời nhà văn đến nhà cô nhưng vô hiệu:

“Anh ấy không ngủ đã vài đêm, anh ấy bực dọc, tự viết những lá thư phàn nàn cha, nhưng vẫn không đến. Tại sao? Anh không thể xin được phép với vị giám đốc trường. (...) Ngay cả anh ấy không thể sắp đặt để nói rằng anh đến thăm tôi! (...) Anh bảo, còn biết làm sao, nói dối với vị giám đốc ư? Không thể nào được!”

[]

II.

(1906-1912)

1.

Ngày 18/6/1906, Kafka nhận học vị Tiến sĩ Luật tại Đại học Karl Ferdinand, Prague, sau khi trải qua thời gian thụ huấn một năm ở tòa án quận, rồi tòa án hình sự.

*/ Văn chương là niềm yêu thích thật sự của Kafka, nhưng bởi vì người cha không thể cho phép cậu con lãng phí thì giờ trong sự “*viết lách xoàng xĩnh*”, nên Kafka quyết định “*phải kiếm tìm một địa vị không dính líu gì đến văn chương*”.

*/ Công việc làm đầu tiên của ông là trong một công ty bảo hiểm Ý – Assicurazionni Generalli—ở Prague, năm 1907.

*/ Tháng 7/1908, Kafka bỏ công ty Assicurazionni Generalli để nhận một chức vụ trong Cơ Sở Bảo Hiểm Tai Nạn Lao Động ở Prague. Nơi đây ông lưu lại làm việc cho đến khi về hưu vào năm 1922; mỗi ngày một buổi từ 10 giờ sáng đến 2:30 chiều.

Trong phần hành riêng, Kafka tỏ ra là một nhân viên tận tâm, gầy dựng địa vị với bản phận đàng hoàng. Tuy nhiên ông đau khổ theo các luật lệ và sự thúc ép của công việc; trong đó, ông cảm tưởng “*giống như đang bị xé vụn xác thân ra từng mảnh*”. Mỗi ngày sau khi rời sở làm, đầu óc nhà văn vẫn cứ mãi bị ám ảnh bởi những sự kiện khô khan đã tận tụy suốt trong buổi sáng. Kafka sắp xếp để ngủ buổi chiều và viết vào ban đêm.

*/ **Sự viết đối với ông là một nhu cầu cấp bách, nảy sinh từ sự cô đơn ghê gớm.** Ông viết say mê, tập cho mình đứng vững trên hai chân riêng bằng văn chương –một hình thức tìm kiếm sự độc lập—trong khi vẫn bị đè chụp bởi ảnh hưởng gia đình. Nhưng Kafka quá ngờ vực về giá trị sáng tác của mình, đến nỗi luôn luôn cực lực chống lại việc xuất bản những gì đã viết. (Năm 1899, 16 tuổi, Kafka từng xé nát tất cả mọi bản văn đã cho chào đời.)

2.

Thời kỳ trước năm 1911 –khác hẳn thời kỳ thành thực về sau, Kafka không đưa ra trong tác phẩm một ý nghĩa truyền thuyết và nhân vật tượng trưng nào. Ông quan niệm, người ta phải thưởng ngoạn từng biến cố nhỏ nhất của thế giới để tìm ra các ẩn nấp đằng sau nó: “*Những sự vật có thể nhảm lại trong óc. Các câu chuyện của tôi là một phương cách nhắm đôi mắt lại.*” Vì vậy, nỗi thống khổ của Kafka không loại trừ chủ nghĩa duy thực. Thực tế xuất hiện lần nữa, lại lần nữa trong các câu chuyện kể của ông.

*/ Chỉ những lời khẩn nài dài lâu của bạn hữu mới có thể thuyết phục được Kafka *cho phép họ nhìn vào bản thảo* của ông. Và cũng chỉ những lời khẩn nài của họ mới có thể khiến Kafka bằng lòng cho xuất bản những bản văn của mình.

*/ Tác phẩm đầu tiên, *Những Nỗi Trầm Tư* (Betrachtungen), bản văn xuôi kể về

"một chàng độc thân khám phá ra nỗi cô đơn ghê gớm của mình từ sự xa lạ ly cách của những người chung quanh. Khi ấy, thế giới trở nên trống rỗng với hắn. Cái nhìn của hắn chuyển động, và hắn nhận biết sự thiếu quả quyết của mọi người: những đôi mắt tuyệt vọng chuyển từ người này sang người khác để mong mỗi tìm ra ánh sáng hòa hợp."

*/ Bản văn được Max Brod cho in trong tờ nhật báo của Franz Blei (trước khi các tác phẩm khác xuất hiện trên tờ Bohemia ở Prague) nhưng không được giới phê bình lưu tâm lắm.

*/ Năm 1904, Kafka viết *Mô Tả Về Một Cuộc Chiến Đấu* (Beschreibung eines Kampfes), sáng tác mang ít nhiều đặc tính của Flaubert. Nội dung như sau:

**/ Đang nửa đêm, vài người khách nhòm dậy, cúi đầu, bắt tay và phát biểu rằng họ đã trải qua một buổi tối rất thú vị; rồi họ đi ngang qua những cánh cửa đôi đu đưa để tiến vào trong hành lang mà tìm áo khoác. + Đứng giữa phòng khách, một phụ nữ trong nhà vui vẻ đáp trả những cái chào của từng người khách. + Nếp gấp của chiếc áo bà gợn sóng dịu dàng theo từng cử động. + Ngồi trước cái bàn tròn nhỏ với ba chân uốn cong đẹp đẽ, tôi nhấp nhấp ly rượu ngọt thứ ba, mắt vẫn nhìn vào mớ bánh nhỏ đã được lựa chọn và cẩn thận đặt vào trong đĩa của mình...*

*/ Ở trên, câu chuyện của một công chức tại một nơi chốn xa lạ ngột ngạt—được tiêu biểu như ba chân của cái bàn tròn—đã không có yếu tố huyền hoặc nào xuất hiện; thay vào đó chỉ là những chi tiết chính xác, đơn giản, không giả tạo, có pha tính hài hước. Tuy nhiên, một cách tinh tế, *Mô Tả Về Một Cuộc Chiến Đấu* bỏ rơi sự hợp lý để dẫn dắt độc giả đến một loạt những phi lý giống như trong cơn ác mộng.

*/ *Người kể chuyện* (hãy gọi tên anh ta là K. như trong tác phẩm *Phiên Tòa* viết thời kỳ sau)

rời nơi chốn đông đảo và chiếc cốc rượu rỗng không, bỏ ra ngoài với Người Bạn mà anh ta gặp ngay buổi tối hôm ấy. Hai người đàn ông đi bộ và trò chuyện trong bóng đêm... (Đó là chủ đề về cuộc đi dạo đêm, sự ám ảnh của một người độc thân). Thế rồi câu chuyện dày thêm và trở nên huyền hoặc. Sau khi lang thang qua suốt các con đường thành phố trong nhiều giờ và đồng ý là sẽ đi tiếp đến vùng đông quê, K. đột nhiên trở nên sợ hãi rằng bạn anh ta sẽ lợi dụng bóng tối để giết anh ta. Anh ta bỏ chạy, té ngã, trối dậy và lại chạy biến trong bóng đêm.

*/ Rồi trong chương kể,

K. xuất hiện, cười trên cổ Người Bạn đã đi với K. sau khi rời khỏi buổi hội và bị K. đối xử tàn nhẫn như với một con vật. Con Vật được cỡi bởi K. quy xuống và không thấy xuất hiện trở lại. K. cảm nghe buồn ngủ. Vùng đồng quê này tuy gần thành phố nhưng hầu như lại là một nơi chốn hoàn toàn hoang dã.

Khi bình minh đến, thức giấc bên giòng suối, K. nhìn thấy một người đàn ông mập mạp đang ngồi trên cái cáng do 4 người đàn ông trần truồng khiêng. Thế rồi một điều giống như một sự tiền định xảy ra: bốn người khiêng bị chết đuối, cái cáng mắc cạn trên dòng chảy về hướng thác nước lớn. Còn K. lúc đó đang đứng trên bờ. Dẫu đang ở mép bìa của sự sắp chết đuối và trước khi để trôi tuột trong dòng xoáy, người đàn ông mập mạp vẫn có đủ thì giờ bày tỏ một cách rất trầm tĩnh bằng một thể thức văn hoa những lời giải thích với K. (chiếm mất 24 trang của bản văn).

Sau khi trôi qua 1 giờ 15 phút trôi giạt theo thác nước, người đàn ông mập mạp bị nuốt chửng trong dòng xoáy; K., kẻ đứng hồi lâu bên bờ thác lắng nghe lời tỏ bày của người đàn ông mập mạp, vẫn không làm cử động nào để cứu ông ta. Sau đó K. lại tìm Người Bạn đã đi với K. khi rời buổi hội đêm trước và quay lại thành phố với người này. Nhưng Người Bạn tự đâm một nhát dao vào cánh tay mình trong khi nói lời từ giã với K. rồi bỏ đi, về chán nản.

(Chỉ hai phần của tác phẩm trên mới được một nhà xuất bản tiên phong in ra năm 1909 mà thôi.)

3.

Năm 1906, Kafka dùng tên hiệu để tham dự cuộc thi văn chương tổ chức bởi tờ tạp chí Vienne Zeit.

*/ Ba năm sau –1909—Kafka đọc cho Max Brod nghe phần đầu tác phẩm *Sự Sửa soạn Cho Một Đám Cưới Ở Thôn Quê*, trong đó, *Raban*, (nhân vật chính giống như một kiểu anh em của Kafka) *từ bỏ sở làm để đi thăm vị hôn thê*. Sự mô tả cảnh nhà ga, xe lửa, những hành khách và những suy nghĩ của Raban phảng phất nét mô tả trong các tác phẩm đầu tiên của Marcel Proust, đặc biệt là cuốn *Jean Santeuil*.

Bản văn này đã khiến Max Brod tuyên bố rằng “*Đây không phải lời nói của một nhân tài mà chính là một thiên tài*”, đưa tên tuổi Kafka lên bảng danh sách các nhà văn lỗi lạc hàng đầu **năm 1907**, trước khi bạn hữu đứng ra xuất bản bất cứ tác phẩm nào khác của ông.

*/ Năm 1910, nhà văn bắt đầu ghi chú những ý tưởng và tâm tình riêng vào tập *Nhật Ký*.

4.

Dù cố gắng theo đúng chương trình vạch định trong một thời gian, buổi sáng làm việc văn phòng, buổi chiều ngủ, ban đêm dành trọn thì giờ cho ngồi viết, xem ra Kafka cũng không tìm được biện pháp giải quyết thích đáng cho những khủng hoảng tư tưởng càng lúc càng có khuynh hướng phát triển nhiều hơn.

*/ Trong khi ấy, nhà văn cảm nhận rằng tất cả trong ông đều sẵn sàng cho sự sáng tác, và đó phải là “giải pháp thiêng liêng, một lối thật sự để cho ông đi vào cuộc đời.”

[Về sau, năm 1912, Kafka đã viết:

“Thật dễ dàng để nhận thức một sự tập trung trong tôi về tất cả sức viết lách. Khi điều ấy trở thành rõ ràng, nó tạo nên sinh động trực tiếp cho tôi, tất cả mọi thú vui nhục dục – ăn, uống, ham muốn và trên hết, âm nhạc—đều dồn vào đó. Sự khai triển bây giờ đã gần hoàn hảo và bao lâu tôi còn sống, sẽ không có gì khiến tôi từ bỏ nó được. Bây giờ tôi chỉ muốn quảng hết công việc trong văn phòng để bắt đầu cuộc đời thật sự của riêng tôi.”]

*/ Cuối cùng với sự kinh hãi, Kafka bắt buộc phải nhìn nhận rằng ông *“không thể chịu đựng nữa công việc làm bởi vì nó đi đến điều chống lại ước muốn độc nhất trong đời tôi là văn chương.”*

Và rằng *“công việc văn phòng không làm tôi ưa thích, trái lại, nó có thể dễ dàng biến tôi thành kẻ mất trí. Giờ đây gần như tôi đang sắp đạt đến điều ấy.”*

*/ Theo Max Brod thì *“công việc văn phòng là một sự khó chịu mà không bao gồm sự hiện hữu của người cha, khởi đầu bước tiến đau khổ gần hơn cho trái tim Kafka, trước khi mang anh ấy đến bệnh hoạn và cái chết.”*

*/ Về sau, những vị chủ nhân của Kafka với tình cảm khoan dung, đã nhớ lại nhà văn như một nhân viên đúng giờ giấc, tỉ mỉ và lập dị. Riêng Kafka lại không tránh khỏi ý nghĩ *“Bất cứ người chủ nào cũng không hài lòng với nhân viên của họ; sự khác biệt giữa chủ và nhân viên thì quá lớn để không thể có điều gì khác ngoài sự phục tùng đơn giản trên phía nhân viên.”*³²

*/ Dù vậy, trên công việc này –mà Kafka nghĩ rằng như một thứ địa ngục, ông cũng hưởng thụ được những khoảnh khắc nhẹ nhàng thú vị, bắt đầu bằng kỳ nghỉ hè thường niên –chỉ ba tuần—ông dành để du lịch Âu Châu cùng bạn bè, hầu hết là với Max Brod; khởi hành từ Prague đi

³² (Kinh nghiệm và đàm quan lại văn phòng chắc chắn thấm nhuần trong Kafka những yếu tố ngớ ngẩn được minh họa trong tác phẩm *Phiên Tòa và Tòa Lâu Đài* về sau.)

Đức, Ý, vùng duyên hải Adriatic (bãi biển ở Riva), Thụy Sĩ, --cuối tháng 9/1910), viếng thăm những cái hồ ở Ý và ngay cả Paris --tháng 10/1910.

5.

Giống như *nỗi điên loạn* của Gérard de Nerval, *sự quý quái* của Baudelaire hay *tính cáu kính* của Flaubert –những điều “*khác biệt*” làm ngăn cách nghệ sĩ với thế giới con người, thì ***sự cô đơn nổi bật của Kafka đã là điều kiện lớn nhất làm cho Kafka không có hạnh phúc: Cô đơn trong gia đình, cô đơn trong sự liên hệ với người cha, cô đơn như một phần tử lẻ loi trong cộng đồng Do Thái; cuối cùng sự cô đơn chuyển hẳn vào trong nỗi đam mê cho đời sống độc thân.***

*/ Rất lâu trước khi cuộc gặp gỡ **Felice Bauer** xảy ra rồi đưa đến gây đổ vỡ trong sự đính hôn của họ, Kafka nghĩ về tình trạng độc thân như một biểu tượng hạnh phúc cho cuộc sống hành xác của ông. Nhà văn đau khổ, giống như tất cả mọi người Do Thái sống trong Tiệp Khắc thời kỳ náo động cách mạng và Thế Chiến I đau khổ. Ông không thích thú với chính trị. Những vấn đề xã hội trình bày qua tác phẩm được ông gián tiếp chuyển đổi vào trong một phạm vi bí mật và mơ hồ.

*/ Trong nhật ký, Kafka đã ghi:

“Khác với Kierkegaard, tôi không được hướng dẫn vào cuộc đời bởi bàn tay nặng nề của Thiên Chúa giáo, cũng chẳng giống như người Do Thái theo chủ nghĩa phục quốc bị cầm giữ từ một bài kinh nào đó của người Do Thái.”

*/ Có lần, giữa Kafka và Max Brod xảy ra một sự bất hòa gây nên bởi thái độ lãnh đạm của Kafka đối với chủ nghĩa phục quốc Do Thái. Nhà văn viết:

“Tôi có cái gì chung với người Do Thái đâu khi mà chắc chắn là tôi cũng không có bất cứ điều gì chung với chính tôi.”

*/ Và cũng giống như tất cả những người mang số phận là “kẻ tiên tri” hoặc “kẻ dai”, ngay từ bước đầu dẫn vào sự bí mật của cuộc sống, Kafka sáng tác bằng chính ngay trên nỗi thống khổ đọa đày của riêng ông. Trong căn phòng một mình, đêm này qua đêm khác, Kafka sống với “*những bản văn kỳ lạ*”.

(“Cái đèn tỏa sáng, căn phòng yên tĩnh, bóng tối bao phủ bên ngoài, những giây lát sau cùng của sự thức khuya cho tôi quyền được viết, ngay cả nếu như tôi viết lên những điều tôi tệ nhất. Và tôi vội vã nắm bắt cái quyền này. Đây là những gì thật sự là tôi nhất.”)

*/ Sự sáng tạo văn chương giúp Kafka tìm ra đường lối trốn chạy khỏi những phức tạp, rắc rối trong đời sống bình nhật. Nhà văn không

sao chép hoặc không cố gắng giải thích thế giới, mà ông tuyên bố sự bất mãn với thế giới và rồi âm thầm đau khổ. Ông dùng những con người tưởng tượng để tự giải thoát ra ngoài những ám ảnh mà một mình ông không thể xua đuổi. Và hẳn nhiên, chữ nghĩa rõ ràng đã cung ứng phương pháp hòa giải nội tâm cho cá nhân ông. (Nói đúng hơn, dù gì chẳng nữa, Kafka vẫn không thể hình dung ra được giải pháp nào khác ngoài sự viết.) Ông lập đi lập lại nhiều lần trong nhật ký và với vài bạn hữu:

“Tôi chẳng là gì cả, ngoại trừ văn chương (...) Tôi không thể và sẽ không làm gì khác (...) Tất cả mọi thứ, ngoại trừ văn chương, đều khiến tôi buồn chán và tôi ghét chúng.”

**/ Nhưng Kafka không bao giờ nhìn văn chương như nghề nghiệp để kiếm sống, mà là một tôn giáo; một điều thiêng liêng cao quý bất khả xâm phạm; lối thoát và hy vọng duy nhất về hạnh phúc trong cuộc đời.*

**/ Với Kafka, viết không thể là việc làm như bao việc làm khác mà nó phải mang “hình thức của sự cầu nguyện”. Kafka dâng hiến cho nghệ thuật những vui thích của mình, tính trầm lặng, sức khỏe, ngay cả nỗi cô đơn trong cuộc sống. Qua vài lá thư gửi bè bạn, nhà văn bày tỏ về trạng thái xuất thần trong ông khi cầm lên cây viết; nói về chính ông trong việc sáng tạo giống như “đang trên đường xây dựng một học thuyết bí mật mới.”*

**/ Khác hơn mọi nhà văn, Kafka tự cảm thấy hoàn toàn bất lực trên bình diện đời sống. Nhưng ông không cố gắng đánh lừa độc giả bằng cách đặt ra trong tác phẩm những điều huyền hoặc:*

“Tôi không có khả năng chịu đựng sự tấn công của cuộc đời riêng, thời gian, tuổi già, xung lực mệnh mông của niềm vui viết lách, lại cũng chẳng thể cru mang mà không đau đớn vì chứng mất ngủ, sự yêu đương và luôn cả nỗi điên loạn.”

**/ Điều hé lộ trên đã giúp soi sáng tất cả tác phẩm của Kafka.*

6.

Năm 1911, Kafka cho xuất bản *Những Nỗi Trầm Tư*, nhưng khi ấy ông đã hoàn toàn đánh mất thú vị trên tác phẩm này. Nhà văn vẫn nghe dày vò trong sự sáng tác:

“Những nỗi thống khổ tôi phải chịu trước kia hẳn nhiên không so sánh được với nỗi đau đớn hiện tại. Những điều lạnh lùng trong lối viết đã ám ảnh tôi trong suốt nhiều ngày.” (Nhật Ký, 19/1/1911).

Tuy nhiên không chút nghi ngờ, sự viết đối với ông đã là một phương tiện để tự chứng minh, bào chữa:

“Dù với tất cả mọi điều khó chịu, tôi tìm nghỉ ngơi trên quyển tiểu thuyết của tôi.” (Nhật Ký, 9/5/1911).

Một tháng sau đó, trong tập *Correspondence* của Flaubert, Kafka khám phá ra câu viết cùng quan điểm như của chính ông:

“Cuốn tiểu thuyết của tôi là tảng đá mà tôi bám lấy và không còn biết gì khác nữa về những điều xảy ra trên thế giới.”

[]

III. (1912-1917)

1.

Bởi vì được công chúng biết đến chỉ sau năm 1925 nên Kafka thường được quy vào thời đại *Biểu Tượng (Symbolisme)* của Franz Werfel³³ và Walter Hasenclever³⁴, trong đó, văn chương thường mô tả sự nổi loạn và tấn công.

*/ Nhưng sự thật, Kafka thuộc vào thời đại trước của Hofmannsthal³⁵ hay Rainer Maria Rilke³⁶ và là người nhỏ tuổi nhất trong cả ba.

*/ Chàng nhân viên trẻ, cô đơn trong căn phòng, viết những bản văn đầy ám ảnh, vẫn còn chưa tinh thông tính nghệ thuật trong sáng liên tục. Sau năm 1911, thời gian mà những cơn khủng hoảng cá nhân trở thành dữ dội, (lúc ông gặp Felice Bauer và vào an dưỡng trong viện tâm thần lần thứ nhất), tài năng của ông thành hình rõ rệt. Các câu chuyện kể lộn xộn trở thành có hệ thống trật tự theo đúng thể thức một tác phẩm hoàn hảo.

*/ Tuy nhiên Kafka chỉ thật sự trở thành “*Kafka*” khi mà –giữa 1912-1914—trong các câu chuyện kể đau khổ nên thơ, ông thêm vào sự kinh hoàng, sợ hãi. Ý hướng văn chương và sự khảo sát không ngừng của riêng ông hoàn toàn khác biệt với thời kỳ trước, đã trở nên minh bạch và phát triển dữ dội. So sánh với những gì xuất hiện trong các năm 1912-1914, thì những gì chào đời trước đó xem ra sơ sài và dở dang.

[Xuyên qua *Hóa Thân, Trại Trùng Phạt, Sự Phán Xét*, các sáng tác thời kỳ này, người ta thấy được sự kinh khủng tàn nhẫn và khổ nhục đầy tính huyền thoại của các tác phẩm *Phiên Tòa* và *Tòa Lâu Đài* thời kỳ tiếp theo sau.]

*/ Kafka viết vội vã, nhất là khi đang ở trong trạng thái đầy ải kỳ dị tự giam hãm hay chán ghét xa lánh mọi sự.

³³ Franz Werfel (nhà văn Áo, 1890-1945).

³⁴ Walter Hasenclever (nhà văn Đức, 1890-1940).

³⁵ Hofmannsthal (nhà văn Áo, 1874-1929).

³⁶ Rainer Maria Rilke (nhà văn Áo, 1875-1926).

*/ Ngày 22/9/1912, chỉ một đêm từ 10 giờ tối hôm trước đến 6 giờ sáng hôm sau, trong thế ngồi im một chỗ không di chuyển, Kafka đã cho chào đời nguyên bản văn *Sự Phán Xét*, câu chuyện mang chủ đề đặc biệt về sự chiến đấu giữa cha và con, vang sâu tới tận đáy tâm tư nhân vật.

Hai giờ đồng hồ sau đó của ngày 23/9/1912, nhà văn vẫn đến làm việc trong sở bảo hiểm. Tại đây, trước những giấy má quan lại, ông tiếp tục đắm mình vào nỗi cô đơn bí mật. Trong tập *Nhật Ký*, Kafka đã ghi:

“Khi nào tôi hãy còn chưa được giải thoát khỏi văn phòng bảo hiểm, lúc ấy tôi vẫn còn bị thua thiệt...” (16/2/1910).

*/ *Sự Phán Xét* là tác phẩm tuyệt diệu, được bao trùm trong không khí ngột ngạt nghiêm nhặt. Chính Kafka cũng thú nhận rằng Freud, Wassermann³⁷ và tác phẩm *Người Đàn Bà Không Lộ* của Werfel “bay lượn chung quanh đầu tôi” trong khi đang sáng tác. Bi kịch tâm lý mê hoặc này thực sự chỉ có thể được viết ra bởi Kafka, kẻ đang bị đẩy sát tới bờ vực rối loạn đầu óc đến gần như điên loạn.

*/ Câu chuyện nói về

Georg Bendemann, một thương gia trẻ. + Georg sắp cưới vợ. Hắn có người bạn thân đang sống cô đơn như một kiểu lưu đày tại Nga. Tình thật, hắn không muốn cho bạn hay việc mình sắp cưới vợ vì e rằng trong sự cô đơn cay đắng, người bạn có thể ganh tị với hạnh phúc của hắn và xem tằm thiệp mời giống như một sự xúc phạm chính anh ta. Nhưng vị hôn thê của Georg lại muốn hắn phải viết thư báo tin này cho bạn biết. Phân vân không định gì được, Georg bèn đi vào phòng cha già ở phía sau ngôi nhà –khi ấy đang sống trong tình trạng cùng khổ đáng thương— để nói với ông về nỗi khó chịu này. Hắn bỗng đứng cảm động lúc nhìn ra sự ăn ở tồi tệ của cha mà đã lâu rồi hắn không lưu tâm đến.

Người cha thoát đầu giả vờ không nhớ người bạn của Georg là ai; sau, qua cơn giận bưng bưng, ông tiết lộ rằng trong nhiều năm, chính ông đã liên lạc bí mật với người bạn cách xa của con mình. Ông không bao giờ ngừng phàn nàn với người bạn về những việc làm đê tiện của Georg, kẻ đã bỏ rơi cha già để đi cưới vợ. Hốt nhiên, Georg cảm nghe rung động khi nghĩ về người bạn ở Nga, điều chưa từng xảy ra trước đó trong đầu hắn. Dòng thời như bị điên loạn bởi lời cha nguyện rủa, Georg vụt bỏ chạy, phóng nhanh khỏi cửa chính, băng qua đường cái, tiến về hướng bờ sông.

Hắn nắm chặt lấy thành cầu như một người sắp chết đói giữ ghẹt một món thức ăn; tự đù đưa giống như khi còn nhỏ chơi trò thể

³⁷ Wassermann (nhà văn Đức, 1873-1934).

dục đặc biệt và từng làm cho cha mẹ hắn hãnh diện. Tay nắm yếu dần nhưng hắn vẫn bám chặt thành cầu trong lúc nhận ra giữa những chân song, một chiếc xe buýt đang tiến dần đến. Hắn nghĩ, chiếc xe này có thể dễ dàng phủ lấp đi tiếng rơi của thân xác hắn. Thế là hắn la to: ‘Cha mẹ ơi, lúc nào con cũng thương yêu cha mẹ’, và thả mình xuống khoảng không. Khi ấy trên cầu, giòng xe cộ vẫn không ngừng tuôn chảy..”

*/ Không có gì là vô lý trong tấn bi kịch khó chịu này nếu như độc giả chỉ cần tưởng tượng rằng người cha nóng nảy thì đang trên bờ dốc suy sụp, và trạng thái tâm lý ngổ ngàng của các nhân vật hiện nhiên chỉ là sự ngổ ngàng vô lý của những kẻ loạn thần kinh. Thế nhưng, ngay cả dưới sự khích động của một câu chuyện tâm lý dữ dội, Kafka vẫn “trầm tĩnh”. Nhà văn khai triển hoàn cảnh theo một kiểu thức “hắc ám” của riêng ông:

"Tất cả mọi sự đều được chứa đựng trong một bi kịch độc địa, bị đè nặng từ đầu đến cuối bởi cảm giác tội lỗi trong tâm hồn nhân vật chính, nổi dậy từ sự xúc cảm mãnh liệt cho đến khi lên đến cực độ để hóa thành điên."

2.

Năm 1912, khi đã thấm nhuần trong sự sáng tác, Kafka cảm nghe “*một nỗi bình an rơi xuống*” trên ông. + Cuộc đời “*đều đặn, rộng không, uổng phí*” của ông bỗng dừng tìm được ý nghĩa. + Rõ ràng văn chương đã mang cho Kafka sự cứu độ mà ông khao khát.

*/ Từ tháng 9 đến cuối tháng 11/1912, Kafka “*ngây ngất dâng hiến những đêm không ngủ*” trong sự sáng tác bằng tâm lòng nhiệt thành của một tu sĩ và sự kiên nhẫn của một nghệ sĩ.

*/ Tháng 10/1912, Kafka bắt đầu viết quyển tiểu thuyết *Amerika*, diễn tả sự dị dạng và đau khổ trong một không khí vừa thực tế vừa vô lý. + Chương thứ nhất trong số 7 chương xuất bản năm 1913 dưới tựa đề *Người Đốt Lò* (được giải thưởng văn chương ở Prague tháng 10/1915).

*/ Thành phố Prague mang tính cách kỳ quặc và quyết định, có ý nghĩa giống như một nơi chốn, trong đó nhà văn nhận thức rõ được bi kịch về sự chiến đấu của con người. Prague là “*tất cả những gì Kafka biết*”, toàn thể thế giới của ông, thiên đàng và nhà tù. Nhà văn ao ước nhìn thấy một vùng đất khác, sáng sủa đẹp đẽ hơn. Nhưng những chuyến du lịch Âu châu ngắn ngủi, một mình hay với Max Brod, chẳng làm thỏa mãn được gì cho ông cả.

*/ Chuyến đi về vùng trời bao quát nhất chỉ có thể nằm trong trí tưởng: *đó là nước Mỹ*. Những người bạn Kafka ngạc nhiên cao độ khi

nghe ông tâm sự về điều bí mật riêng rằng, ông đang viết một cuốn tiểu thuyết tựa đề *Amerika* và đã bắt tay phác họa từ tháng 9/1912. Họ hỏi nhà văn: “Anh biết gì về nước Mỹ?” Kafka vui vẻ trả lời: “Tôi biết nước Mỹ qua tự truyện của Benjamin Franklin và tôi luôn luôn ngưỡng mộ Walt Whitman³⁸. Tôi thích người Mỹ bởi vì họ lạc quan và khỏe mạnh.”³⁹

*/ Trong sự tưởng tượng của Kafka, tất cả mọi người Mỹ lúc nào trên môi cũng sẵn nụ cười vui vẻ. Khi sáng tác *Amerika* cuối năm 1912, Kafka hoàn toàn chưa biết một người Mỹ nào và cũng hiểu tiếng Anh rất ít.⁴⁰ Nguồn dữ kiện duy nhất chỉ xuất phát từ vài quyển sách đã đọc và qua sự tưởng tượng phong phú của riêng ông.

*/ Thời gian sống với *Amerika*, Kafka xem ra vui vẻ kỳ lạ. Các người bạn kể lại rằng cái nhìn và trạng thái Kafka khi ấy biểu lộ phần lớn sự linh hoạt. Tuy nhiên, sự lạc quan không hoàn toàn kéo nhà văn ra khỏi những nỗi băn khoăn ngằn ngại. Ông đọc lại vài tác phẩm của Dickens⁴¹. Vừa đủ lạ lùng thay, trong óc Kafka, hình ảnh và tâm tình Dickens mô tả, sống động liên kết với không khí và phong cảnh nước Mỹ. Đó không phải là sự châm biếm cay đắng của Kafka về nước Mỹ. Bức tranh nước Mỹ mà Kafka yêu mến là của một tài năng tên gọi Charles Dickens, được đón nhận bởi hàng ngàn độc giả Mỹ. Kafka luôn luôn diễn tả cho bạn bè nghe cảnh tượng vui nhộn nơi bến tàu dưới chân nữ thần Tự Do khi rất đông độc giả chen chúc mắc kẹt nơi đây để chỉ nôn nóng chờ đợi một chương mới trong quyển *David Copperfield* của Dickens sẽ được chuyển đến; họ vẫy tay la hét khi thấy từ xa chuyển tàu với kho tàng văn chương từ từ cập bến.

*/ Tuy nhiên, nếu gọi *Amerika* là một “bản văn sao lại của Dickens” thì hoàn toàn không đúng. Sự giống nhau giữa Dickens và Kafka chỉ là tình cờ trên bề mặt hơi hot, trong khi sự khác biệt giữa hoàn cảnh khôi hài, tính cách chính xác hay hư ảo trong nội dung câu chuyện và văn phong của cả hai mới là nền tảng cốt tủy.

*/ Ở đây, tương phản với sự tàn nhẫn trong *Sự Phán Xét* chính là lòng tốt và tình cảm dịu dàng (điều rất hiếm thấy xuất hiện trong tác phẩm Kafka) nổi bật hẳn qua lời kể chuyện do dự nhưng rất thật trong chương thứ nhất tựa đề *Người Đốt Lò*.

*/ Câu chuyện như sau:

Karl Rossmann, một cậu nhỏ ngây thơ bị cô hầu phòng quyến rũ, trở thành cha của một đứa bé và bị buộc phải rời khỏi nước Đức

³⁸ Walt Whitman: thi sĩ Mỹ (1819-1892).

³⁹ Benjamin Franklin: Triết gia, chính trị gia và cũng là khoa học gia người Mỹ (1706-1790).

⁴⁰ Về sau, trong những tháng ngày khó chịu nhất của phần số, gặp nơi dưỡng trí viện vài người Mỹ thường xuyên cau có, Kafka tỏ ra rất thất vọng.

⁴¹ Charles Dickens (nhà văn Anh, 1812-1870).

để đi Mỹ do ý muốn tránh né những rắc rối của cha mẹ cậu. Một trong các người chủ cậu sẽ đón tiếp cậu tại Mỹ.

Khi chuyến tàu đáp vào New York, dưới chân tượng thần Tự Do, Karl Rossmann đặt hành lý trên boong và chạy xuống lòng tàu để kiểm cây dù của cậu. (Giống như tất cả mọi nhân vật của Kafka, những người mang một sứ mạng tinh thần và đại diện cho “kiểu mẫu Do Thái thống khổ”, cậu nhỏ Karl Rossmann cũng khát khao công lý). Cậu nhanh chóng quên mất ý định đầu tiên bởi vì cậu gặp một người đốt lò béo mập, vẻ vô cùng hoang dã thô lỗ, vừa mới bị đuổi bởi ông xếp kỹ thuật trên tàu. Karl Rossmann bèn đứng về phía người đốt lò và dẫn ông ta đến gặp vị chỉ huy trưởng để nài xin sự tha thứ cho người bạn mới... Rồi Karl tìm biết trong văn phòng có sự hiện diện của chú Jacob của cậu, một Thượng Nghị sĩ và cả người chỉ huy trưởng; những kẻ đã dùng sức mạnh mang cậu đi, tước mất của cậu tình bạn với người đốt lò. (Mọi việc trở nên bất ngờ trong nhịp chuyển nhanh của câu chuyện; thêm phần hài hước). Cậu nhỏ khi đi khỏi Âu Châu với túi hành lý xoàng xĩnh lại được đón tiếp ở New York bởi một ông chủ triệu phú. (Nhưng yếu tố tình cảm của câu chuyện là ở lòng quỵên luyến của cậu dành cho người bạn mới). Cậu cảm lấy bàn tay nứt nẻ gần như không còn sinh động của người đốt lò, ấu yém áp vào má mình và bật khóc. Trong khi đó, người chủ Thượng nghị sĩ đến bên cạnh cậu...

*/ (Những chương sau của *Amerika* cho thấy)

Cậu nhỏ Karl sống trong nhà ông chú, bị điên đảo bởi một thế giới mới lạ, rồi lại bị đánh lừa bởi hai kẻ du thủ du thực để phải trôi giạt khắp New York mà không tìm ra được việc làm. Tuy nhiên Karl không phàn nàn ai cả: cậu yêu mọi người cậu gặp bất chợt. (Điều này tương phản hẳn với tất cả mọi nhân vật khác của Kafka: luôn luôn sợ hãi bất cứ ai họ gặp). Cậu làm những công việc khác nhau tùy theo hoàn cảnh; khám phá thêm nhiều mặt của xã hội Mỹ suốt qua những kinh nghiệm hỗn hợp, hoặc bi hoặc hài.

*/ (Độc giả *Amerika* cũng như của *Phiên Tòa* hay *Tòa Lâu Đài* đều có chung cái cảm tưởng phải dỗi theo suốt sau nhân vật chính trên một mê lộ dài mờ tối và rối rắm, trong đó các sự kiện đều có ẩn dụ một biểu tượng; nhưng không bao giờ họ hiểu thấu được biểu tượng nào truyền đạt điều gì và hiệu lực phải có trong cuộc đời nhân vật ra sao?)

Karl mò mẫm chiến đấu trong những nỗi buồn, nỗi bất mãn, sự lo âu, để cố tìm cho mình một chỗ đứng tốt. Cậu được thu xếp chỗ làm ngọt ngào trong một khách sạn lớn; rồi rơi vào tay một người

đàn bà điên... cho đến ngày cậu gia nhập vào một đoàn kịch lớn ở Oklahoma và tìm ra hạnh phúc.

*/ (Ở đây, cái biểu tượng khuếch rộng ra trên sự miêu tả một xã hội trật tự tốt đẹp, trong đó tất cả mọi người đều có ích lợi cho nhau, tương trợ và thấu hiểu lẫn nhau trong vật chất và tinh thần.)

*/ Quả nhiên *Amerika* mang một chủ đề lạc quan –tính rộng lượng bù đắp cho sự vô lý ngớ ngẩn và rời rạc—điều mà Kafka khai triển rõ ràng trong chương thứ nhất. Dù rằng về sau ông vẫn tiếp tục sáng tác trên cùng xu hướng, nhưng tất cả những quyển sách khác đã không có được sự lạc quan như đã thấy trong *Amerika*.

*/ Và đầu chịu chung số phận dở dang như tất cả mọi tác phẩm lớn khác của ông, *Amerika* lại là cuốn tiểu thuyết duy nhất mà trên những trang cuối cùng, Kafka vẫn lưu lại một tâm trạng tin tưởng nổi bật.

Chàng nhân vật trẻ tuổi biến mất, chạy nhảy, hành động kỳ cục giống như một chú ngựa con liều lĩnh trong vùng đất bao la rộng lớn. Người anh em khốn khổ (và cũng là nhà sáng tạo ra chàng, Franz Kafka) nhìn ngắm nhân dáng nhanh nhẩu của chàng từ từ lùi xa giữa những núi đồi, cây cối, nhà cửa. Cuối cùng, chàng trẻ tuổi quay đầu nhìn lại giơ tay làm cử chỉ vĩnh biệt vừa dịu dàng vừa buồn bã...”

*/ Do bởi tính mạch lạc và nguồn cảm hứng không thay đổi, khoảng 1911-1912, xuyên qua *Sự Phán Xét* và *Người Đốt Lò*, Kafka đã phô bày được nghệ thuật thuyết phục của mình: ông học cách viết và thúc đẩy những bí mật riêng đến độc giả. Vì thế thời kỳ này, khả năng hư cấu trong tác phẩm Kafka trội bật hẳn.

3.

Cũng cùng mùa thu năm ấy (tháng 11/1912), nhà văn hoàn tất *Hoá Thân* (*Die Verwandlung*), tác phẩm tuyệt diệu viết chỉ trong ba tuần, nêu rõ đặc tính cực đoan trong hoàn cảnh nhân vật chính, làm mê mẩn rung động sâu xa cho độc giả.

*/ Trong *Hóa Thân*, lần đầu tiên, Kafka phô bày được đầy đủ khái niệm tận đáy lòng riêng về sự viết của mình, một nhu cầu cần thiết, cấp bách khó thể diễn tả. Rất lâu trước khi sáng tác câu chuyện, nhà văn cố gắng giải thích ý nghĩa những gì ông viết qua lời thư gửi một người bạn tên Oskar Pollak như sau:

“Quyển sách chúng ta cần thì không phải là loại sách tác động như một sự bất hạnh làm đau khổ, giống như khi đứng trước cái chết của kẻ nào đó chúng ta yêu thương vô cùng; hoặc là làm chúng ta cảm thấy như đang đứng trên bờ tự sát, hay mất hút

trong ngôi rừng xa xôi cách biệt với thế giới con người; mà nó phải là một quyển sách được dùng như cái rìu búa lên những phần đông đá trong tâm hồn chúng ta.

*/ (Cũng tháng 10/1912, Max Brod ghi chú vào nhật ký:
“Kafka đang trong trạng thái xuất thần. Viết cả đêm dài...”
Và: “Kafka trong thời kỳ cực kỳ ngây ngất với cây viết.”)

*/ Vượt hơn cả sự ngây ngất là nỗi phân thân theo ý nghĩa tự do mà nhà văn thường trải qua khi đưa con tinh thần càng lúc càng thêm rõ nét. Qua quyển nhật ký Kafka, phải nhận định rằng, hai tác phẩm *Sự Phán Xét* và *Hóa Thân* hiển nhiên là “cái rìu” cung ứng cho “biển đá” bên trong con người ông.

*/ *Hóa Thân* xuất bản lần đầu năm 1915, diễn tả câu chuyện
“Chàng Grégor Samsa một buổi sáng thức giậy từ sau một giấc mơ dữ, bỗng dưng thấy mình biến thành con sâu bọ khổng lồ ngay trên chính giường ngủ của chàng. Trước sự biến hình từ con người sang con bọ, dĩ nhiên gia đình chàng nổi giận, nhưng sự nổi giận này bình thường không hơn không kém so với mỗi lần Grégor bị viêm cuống họng!”

*/ Grégor có đau khổ không trong sự biến hình gớm ghiếc đó? Kafka cẩn thận không dựng lên câu trả lời. Nhà văn làm trệch hướng bất cứ những gì có thể gây phẫn nộ và phản kháng từ phía độc giả. Thay vì cho Grégor kêu thét lên như sắp sửa phát điên, Kafka lại tập trung sự lưu tâm của độc giả vào dữ kiện

“Grégor, với rất nhiều cái chân mỏng mảnh và lớp vỏ cứng trên thân mình, đã không thể di động chung quanh. Chàng tự đu đưa toàn thể thân hình để nhún nhảy ra khỏi giường. Trong cách thế như vậy, chàng có thể bảo vệ được cái đầu cho khỏi bị thương bằng việc giữ nó ngẩng cao đang khi rơi xuống khỏi giường. Em gái chàng bước vào, lặng lẽ dọn dẹp căn phòng của ‘con vật nhiều chân’. Mẹ chàng xem ra hoàn toàn chán nản. Cha chàng cẩn thận giữ không cho hàng xóm hay biết những gì đã xảy ra trong nhà ông. Thế rồi chàng từ từ chết đi, không phải vì sự xấu hổ hay lơ là của gia đình, mà chết, do bởi cảm giác tội lỗi tuyệt vọng của riêng chàng.”

*/ Ở đây, sự thiếu thực tế không bị đề lộ ra và không gọi lên chú ý của độc giả. Mọi việc chỉ được “cảm thấy” và “chấp nhận tự nhiên”, giống như những kẻ nhún nhường dừng dừng chấp nhận số phận bất hạnh của họ. Sự tàn bạo của câu chuyện chính là ở điểm “dừng dừng” ấy. Và ở đây, sự tàn bạo chỉ mang tính cách buồn rầu – một nỗi buồn bí mật, không thể hiểu được.

“Khi con vật nhiều chân’ này chết đi trong phòng, người hầu gái đưa cái chổi quét nhẹ trên thân hình nó. Bà mẹ Grégor làm một cử động như muốn bảo người hầu ngừng tay, nhưng bà do dự. Ông Samsa bảo vợ: ‘Nào, chúng ta hãy cảm tạ Chúa!’ Ông gơ tay làm dấu thánh giá và ba người phụ nữ cũng làm theo như ông. lát sau người hầu gái đi vào phòng và nói với bà chủ: ‘Bà không cần buồn bực về cách làm thế nào để tống khứ con vật trong căn phòng đó đi. Điều ấy đã xong!’”

4.

Nghệ thuật kể chuyện của Kafka dẫn từ tâm lý đến thực nghiệm, từ sự chiêm hữu tức khắc trạng thái cá nhân đến sự hình thành cụ thể cá nhân ấy vào trong thế giới rộng lớn. Yếu tố cơ bản về “sức mạnh” nằm ở ngay chính lúc bắt đầu tác phẩm. Trong *Sự Phán Xét* và *Hóa Thân*, một người cha “*thật sự*” được mô tả, hình ảnh không quá khó khăn để nhận diện qua những lời lẽ của Freud về “*tiểu thuyết gia đình*”. Nhưng trong những tác phẩm dài về sau, hình ảnh này không còn nữa, hoặc nó biến thành một khuôn dáng như muôn ngàn khuôn dáng bình thường khác người ta vẫn nhìn thấy trong đời sống chung quanh.

*/ Cũng thời kỳ sau, cảm hứng sáng tác của Kafka thay đổi hẳn. Thêm vào sự khổ não của kẻ độc thân chính là bị kích gậy đồ của một cuộc đính hôn sẽ đưa đến trong cuộc đời Kafka, làm tàn héo tuyệt vọng nhà văn, cũng là nguyên nhân đẩy ông tới chỗ thăng hoa những dây vô riêng để trở thành nhà sáng tác huyền thoại nổi tiếng. Con người nội tâm Kafka đã đau khổ, do dự và hoài nghi quá nhiều để phải tự biến thái chính mình. Nhưng cũng nhờ vậy mà các câu chuyện lằng mạp vô trật tự trong thế giới tưởng tượng thời kỳ trước sẽ được chuyển đổi thành những biểu tượng khách quan trong sáng hơn trong các sáng tác về sau.

5.

Năm 1912, Kafka không chỉ bắt đầu một cách hăng say những tác phẩm lớn đầu tiên của mình, lại còn gặp tình yêu và đi đến chỗ bị thu hút theo chuyện hôn nhân.

*/ Tuy nhiên, nếu nói rằng Kafka cân nhắc nghiêm trang về hôn nhân thì không đúng; trái lại, ngay lập tức, ông nhận định nó như một chọn lựa bi thảm của đời mình xuyên qua hai phương diện khiến ông kinh sợ:

1/ Bản chất của hôn nhân.

2/ Sự liên hệ tự nhiên và một viễn cảnh hợp nhất giữa ông với người ông yêu.

* / Nhà văn nghĩ, ông có thể đủ khả năng chung sống với một người khác phái, nhưng vẫn không tự tin rằng sẽ thích ứng được trong cuộc sống hôn nhân.

* / Với Kafka, hình ảnh ông Hermann biểu tượng cho một kiểu uy quyền tộc trưởng, đè bẹp nhà văn trong nhiều năm dài đằng đẳng. Bây giờ, cho dầu ao ước kiếm tìm một mái gia đình như một điều có thể chống đỡ được với cái ám ảnh mà người cha đã gây ra thì Kafka lại cũng không hề dám tin tưởng rằng sẽ có người bằng lòng chia xẻ với ông phần số cay nghiệt. Rõ ràng hôn nhân là điều không thể nghĩ đến khi mà ông cảm nhận được phần lớn bản chất cô đơn gần như tuyệt đối trong chính mình.

* / Trên phương diện hôn nhân, giữa Kierkegaard và Kafka có những điều trùng hợp, nhưng với Kafka, người ta nhìn thấy được nhiều phức tạp hơn trong tình cảm say đắm của ông. Trong lá thư gửi cha, có đoạn nhà văn viết như sau: *“Đối với con, lập gia đình, tìm một mái nhà, chấp nhận tất cả những đứa con được sinh ra, bảo vệ chúng trong cuộc đời đầy bất trắc này, và ngay cả, nếu có thể, cho chúng vài điều chỉ dẫn, là điều tốt đỉnh mà con người có thể thực hiện.”*

* / Và Kafka –kẻ tự tàn phá chính mình—đoán biết sắc bén rằng ông “giống như kẻ bệnh hoạn khó thể thích hợp với hôn nhân.”

Tuy nhiên, nếu có lúc nghĩ đến hôn nhân thì động cơ duy nhất thúc đẩy ông cũng chính là điều như ông đã viết:

“Cuộc sống độc thân làm tôi sợ hãi.”

* / Kinh nghiệm đời ông hầu như thu nhỏ lại trong sự hiện hữu *“không tương lai cũng chẳng quá khứ”* của một con người *“chỉ có phút giây hiện tại”*.

* / Mặt khác, nhà văn tin tưởng hôn nhân sẽ làm ông trở nên tương xứng với người cha: *“Con sẽ là một đứa con được giải thoát, khoan khoái, không tội lỗi, lớn mạnh, và cha sẽ không còn chà đạp con nữa, không còn bạo ngược với con, mà sẽ thương xót và vui lòng vì con.”*

* / Nhưng liệu Kafka có làm được điều mình muốn không khi đã bị cái bóng uy quyền của người cha phủ chụp quá lâu để khó lòng thoát ra, hầu tự mình cu rư mang đời sống? Liệu hôn nhân có giúp được cho Kafka nhiều sức mạnh *“đề kháng”*? Đây mới là tâm điểm của vấn đề.

[]

IV.

(1912-1917) (Tiếp).

1.

Ngày 13/8/1912, tại nhà Max Brod, Kafka được giới thiệu với một cô gái đến từ Berlin (mà trong quyển nhật ký của Kafka được ghi tắt là F.B –Felice Bauer).

*/ Kể về cuộc gặp gỡ này, Kafka viết:

“Khi tôi đến nhà Brod vào ngày 13/8, nàng đang ngồi ở bàn, và tôi lầm tưởng nàng là người hầu của Brod. Dù rằng không chút tò mò tìm hiểu xem nàng là ai, nhưng tôi cảm nghe ưa thích nàng tức khắc. Dáng to lớn, khuôn mặt không có gì đặc sắc, rõ ràng là tầm thường, cái cổ thon, áo ngoài phủ xuống trên hai vai, cách ăn mặc của nàng giống như của một người giúp việc, dù ngay sau đó tôi được xác định rằng nhận xét của mình sai. Mũi gần như gãy, tóc thẳng màu hung không chút gì quyến rũ. Cái cằm mỏng... Khi ngồi xuống, lần đầu tiên tôi mới nhìn thẳng nàng và lập tức, tôi có ngay một sự đánh giá chắc chắn về nàng.”

*/ Mặc dù điều diễn tả này không có gì lãng mạn, Kafka vẫn thú nhận rằng ông bị xúc động sâu xa và sớm nghĩ đến chuyện hôn nhân. Sự giao thiệp giữa hai người bắt đầu từ sau khi F.B. trở về nhà nàng ở Berlin. Nhưng rồi nỗi do dự và sợ hãi băng quơ trong chính Kafka đã khiến ông không tiến tới đâu trong tình cảm này.

*/ Qua lá thư viết ngày 9/11/1912 gửi F.B., nhà văn cứ day đi day lại mãi nỗi sợ hãi của mình:

“Fraulein rất thân ái, em không được viết cho anh nữa, và anh cũng sẽ không viết gì cho em đâu. Anh không muốn làm em đau khổ nếu như anh viết cho em, và chính anh cũng không thể tự giúp. (...) Hãy mau quên con quỷ là anh đi, và hãy sống an ổn hạnh phúc như trước kia em đã sống.”

*/ Sự do dự của Kafka kéo dài gần năm năm. Thời gian này, ông không ngừng bị đè nặng bởi hai giải pháp mà ông không thể chọn lấy một. Trong nhiều trang của cuốn nhật ký, ông cho thấy bị dao động –như một quả lắc—giữa sự ca ngợi cô đơn và sự cảm phục dành cho hôn nhân.

*/ Một cách khiêm tốn, nhà văn tóm tắt những lý lẽ “bên” và “chống cuộc hôn nhân” của mình như sau:

“Không có khả năng để chịu đựng sự cô đơn, bất lực trong sự sống một mình. Ngược lại, cũng không chắc rằng có thể sống với ai đó, nhưng rõ ràng là tôi không thể sống một mình để chịu đựng sự tấn công dữ dội của cuộc đời, sự đe dọa của thời gian và tuổi già, sự kích thích mênh mông của nỗi ao ước viết lách, sự mất ngủ, sự đến gần sát bên nỗi điên loạn. Một mình, tôi không thể chịu mang tất cả những điều ấy. Sự kết hợp với F.B. sẽ đem lại cho tôi sức mạnh để kháng mới trên sự tồn tại của tôi.”

*/ Rồi ngay đoạn kể tiếp, nhà văn thêm:

“Tôi phải được một mình bằng mọi giá. Tất cả những điều tôi đã hoàn thành là kết quả gây ra từ sự cô đơn.”

*/ Lời tâm sự này gợi nhớ đến những nỗi ám ảnh của Kafka:

“Tôi ghét tất cả những gì không liên hệ đến văn chương. Sự trò chuyện làm tôi chán nản, sự trả lời làm tôi gớm ghê, niềm vui và nỗi buồn của những người thân làm tôi kinh tởm một cách không thể chịu nổi. Những cuộc đàm thoại tấy bỏ sự thật, sự quan trọng, sự trang nghiêm từ tất cả mọi thứ tôi suy nghĩ. Tôi sợ hãi rằng buộc hay nỗi chán chứa tình cảm với một cá nhân khác, điều sẽ khiến tôi không bao giờ được là một mình. Độc thân, tôi có thể từ bỏ việc làm thực sự ngày nào đó; hôn nhân, tôi sẽ không bao giờ làm được điều này. Tất cả những gì đáng hiến cho người đàn bà sẽ phải bị tước đoạt từ văn chương. Điều ấy, trên tất cả, không thể nào được!”

*/ Có những mặt khác nữa thuộc về xác thịt, một sự bắt buộc của đạo đức hay cách cư xử, làm Kafka sợ hãi. Nhà văn viết:

“Giao cấu là một hình phạt cho hạnh phúc của sự sống chung.”

Điều duy nhất có thể chịu đựng cuộc hôn nhân mà Kafka ao ước chính là “sống càng khổ hạnh càng hay, khổ hạnh nhiều hơn cả một kẻ độc thân.”

*/ Tóm lại, sự cân bằng rõ ràng không có. Dưới những dữ kiện như thế, thật không ngạc nhiên để nhận biết rằng trong sự tan vỡ về sau của họ, Kafka tuy buồn bã, cũng còn có sự thỏa mãn trong tim.

*/ Sau lần thứ nhất chính thức đính hôn (tháng 4/1914) rồi đổ vỡ tiếp ngay sau đó (tháng 7/1914), nhà văn viết:

“Những gì tôi hoặc nàng có thể đau khổ đều không so sánh được với nỗi đau khổ sẽ xảy ra nếu như chúng tôi sống chung với nhau. Rồi tôi cũng từ từ hồi phục, rồi nàng hẳn phải lập gia đình. Cả hai chúng tôi đều không thể làm nổ tung những tảng đá để tìm một con đường thoát; nội ý nghĩ ấy thôi đã đủ làm dày vò khóc lóc cho mỗi người. Nàng sẽ hiểu điều ấy từ những lá thư cuối cùng tôi viết ra.”

*/ Và rồi Kafka lập tức thêm vào ngay:

“Nếu nàng không hiểu, tôi chắc chắn sẽ cưới nàng bởi vì tôi cũng quá yếu đuối để có thể từ chối những gì nàng nghĩ về hạnh phúc chung của chúng tôi, và tôi hoàn toàn không có khả năng kháng cự sự quyết định...”

*/ Một cách thật thà, Kafka dựng lên các vấn đề để rồi ngày lại ngày, tự chống cự với những mâu thuẫn không lối thoát trong một cung mê rồi rắm làm cho ông kiệt sức. Luôn luôn, nhà văn cảm nghe như bị bắt chộp giữa sự "kinh hãi cô đơn" và sự "kinh hãi hôn nhân"; giữa nỗi "sợ theo

niềm thất vọng của vi hôn thê" nếu như ông bỏ rơi nàng; đồng thời cũng "sơ cho sự tàn phá nàng" nếu như ông làm chồng nàng.

*/ Cứ vậy, những do dự của nhà văn kéo dài trong thời gian rất lâu:

- *Ngâm đính hôn cuối năm 1912, gảy đổ giữa mùa hè 1913.*
- *Chính thức đính hôn tháng 4/1914, gảy đổ tháng 7/1914;*
- *Liên hệ rời rạc được tiếp tục năm 1915;*
- *Lại đính hôn vào năm kế tiếp, 1916;*
- *Sau cùng là đứt đoạn hẳn.*⁴²

*/ Tuy vậy, trong 5 năm, sự cố gắng để đạt tới một quyết định đã chế ngự cuộc đời Kafka và là nguồn suối cho "những tác phẩm văn chương cùng sự băn khoăn tôn giáo". Lý do thật của sự rút lui khỏi hôn nhân chính là ông muốn dành trọn nỗi cô đơn cho thiên hướng văn chương của mình.

*/ Nhà văn đã viết trong lá thư gửi người cha F.B. như sau:

"Con không thể chịu đựng công việc làm của con bởi vì nó mâu thuẫn với nỗi ao ước độc nhất trong đời con là văn chương. Do lẽ con không làm được gì khác ngoài văn chương, nên công việc hiện tại này không bao giờ khiến con ưa thích; trái lại nó làm lệch lạc hoàn toàn tâm trí con. Con gần như đang bị vướng vào điếm ấy..."

*/ Kafka cũng thường xuyên kể về điều thật này trong nhật ký mình.

+ Một câu viết đã soi sáng rõ rệt ý nghĩ ông:

"Tách rời khỏi những liên hệ con người, trong tôi rõ ràng chỉ còn sự thuần khiết."

*/ Tận đáy lòng, Kafka biết rằng không thể nào thay đổi được cuộc sống từ trước. Ông bám víu vào ý niệm hôn nhân trong khi vẫn mừng tượng nỗi cô đơn sẽ cung cấp lời giải đáp theo những vấn đề khó hiểu của ông. Đó là lý do tại sao một lần ông tuyên bố sắt đá rằng ông "*sẽ cưới một người đàn bà già nua đeo răng giả!*" nào đó khi lên đến tuổi 40!

*/ Ngày tháng trôi qua, Kafka trở nên gắn bó hơn với sự cô đơn đã chiếm hữu vị trí cực kỳ quan trọng trong đời ông. Nó chính là **không khí**, là điều kiện cần thiết đầu tiên để nhà văn có thể tồn tại trong cuộc sống mà mãi mãi ông vẫn còn là người khách lạ. Trong 5 năm, sau mỗi lần tan vỡ với F.B. là mỗi lần Kafka tự dày vò suy xét về mình thật nhiều. Ông đã bỏ rơi bốn phận làm người, tàn phá tương lai kẻ mình yêu.

"Tôi sẽ tự xa lánh tất cả, xóa mờ tất cả khỏi tâm trí. Tôi sẽ là kẻ thù của mọi người. Tôi sẽ chẳng nói chuyện cùng ai hết."

⁴² (Năm 1960, sau khi Félice Bauer đã chết, những lá thư giữa hai người được xuất bản lên đến khoảng 700 trang.)

*/ Quả thật là một nỗi ăn năn sung sướng, một niềm hoan hỉ đáng cay!

2.

Sau cơn bùng cháy sáng tác dữ dội năm 1912, từ tháng 8 đến tháng 12/1914, Kafka hoàn tất phần lớn tác phẩm *Phiên Tòa (Der Prozess)*, cuốn tiểu thuyết dang dở mà chỉ sau khi nhà văn đã chết, Max Brod mới để lộ ra. Sự thật, phép ẩn dụ trình bày trên tựa đề của tác phẩm này đã được Kafka cho xuất hiện rồi qua truyện ngắn *Sự Trùng Phạt, (cậu con trai đứng ở thế chịu đựng sự thử thách của người cha rồi bị dẫn đến hành động tự tử)* và trong *Amerika (cả hai người đốt lò và nhân vật chính đều chịu đựng sự thử thách trước những vị quan tòa không công bằng)*.

*/ *Phiên Tòa* trình bày câu chuyện

“Chàng Joseph K., một gã độc thân, nhân viên ngân hàng có khả năng và lương tâm, bị bắt giữ bởi các người trong tòa án. Sau đó, sự điều tra của quan tòa đổi thành một trò hề bản thủ, những lời buộc tội Joseph K. thì không hề được vạch rõ, và từ điểm này mà các quan tòa không dẫn đầu thế chủ động thêm nữa. Nhưng Joseph K. tự tàn phá chính hắn trong sự tìm kiếm một phiên tòa để làm trắng án lỗi lầm không tên mà cả hắn cũng không biết. Trong sự tìm kiếm, hắn thực hiện những mưu mẹo ngớ ngẩn, đen tối và vô liêm sỉ. Lưu lại trong một giáo đường, hắn được một linh mục nói cho biết rằng lời phản kháng của hắn về sự vô tội chính tự chúng đã là dấu hiệu của tội lỗi, và công lý mà hắn mong tìm kiếm vẫn mãi bị ngăn chặn với hắn.”

*/ Chương cuối cùng diễn tả

“Sự tàn phá và phản kháng của Joseph K. trong khi vẫn còn nhìn chung quanh một cách tuyệt vọng để mong cầu cứu.”

*/ Đây là tác phẩm đen tối nhất của Kafka; xuyên qua đó cho thấy ma quỷ ở khắp mọi nơi, sự tha tội hay cứu chuộc là điều khó thể được và những cố gắng điên cuồng chỉ để biểu thị cho nỗi bất lực thật sự của con người.

3.

Theo sau, tháng 1/1915, *Trại Trùng Phạt* chào đời.

*/ Tương tự như *Hóa Thân*, chỉ có sự tự chủ, dẫn đo trong nghệ thuật diễn tả của Kafka mới có thể khiến độc giả chấp nhận được *Trại Trùng*

Phạt, một câu chuyện rợn người tàn ác, một nỗi trầm tư đưa đến theo Hình Phạt và Công Lý mà thôi.

*/ Tác phẩm trình bày

“Khung cảnh của một nhà lao, trong đó, dù với lỗi lầm nhẹ nhất, tội nhân cũng phải nhận chịu sự xử phạt rất nghiêm khắc. Một du khách được mời đến tham quan trại tù, được một sĩ quan giới thiệu về cái máy dùng để xử phạt các tội nhân. Những cây kim của cái máy này (nhà văn diễn tả tường tận chi tiết trong vài trang) được sắp đặt để trong 6 giờ đồng hồ, sẽ khắc sâu những lời buộc tội cùng sự tuyên án tùy theo tội trạng, lên làn da kẻ có tội. Vòi nước và lớp bông gòn cung cấp để rửa và lau chùi vết thương chẳng khác nào phương tiện làm cho máu thoát nhanh ra ngoài cơ thể kẻ phạm tội. Cái máy tắt-mở tự động, vào giờ thứ sáu, kẻ bị xử phạt sẽ chết vì hết máu.”

4.

Những câu chuyện này mang tính chất quá kinh sợ không chỉ vì đặc chất yếu đuối suy nhược, mà còn bởi tính nghệ thuật tuyệt vời trong ấy nữa. Dù rằng không bày tỏ, nhưng tất cả dữ kiện như được phô trương rõ ràng và đơn giản trước mắt độc giả. Ví dụ, trong *Hóa Thân*, ý nghĩa độc ác như ma quỷ trên mọi khía cạnh được nhận định tinh tế qua “sự bất lực và cô đơn của một kẻ khi nhận thức ra tính đạo đức giả của những kẻ chung quanh trước sự hiện hữu của hắn trong hình xác một con bo góm ghiếc.”

*/ Điểm nổi bật đáng lưu ý trong văn chương Kafka chính là ông tạo được cảm xúc mạnh cho độc giả không bởi sự trình bày tâm lý nhân vật, mà do những sự vật được đánh thức dậy chung quanh kẻ ấy. Không có bản văn nào của Kafka gợi lên tâm hồn hay cảm nghĩ nhân vật; mà tất cả chỉ là *“Sự bận rộn đầu óc của hắn theo những sự kiện xảy ra, hay bởi hàng ngàn dự tính tầm thường không có gì đáng kể trong tâm trí hắn.”* Nhân vật Joseph K. trong *“Phiên Tòa”* gây xúc động thật sự cho độc giả do từ sự việc *“Không phải anh ta đang suy nghĩ về phiên tòa xử anh ta, mà là về cái hành lang, cánh cửa, thái độ mở cửa của kẻ nào đó...v.v...”*

*/ Chỉ với những chi tiết nhỏ nhặt lãnh đạm, Kafka có thể truyền đạt ấn tượng đậm đà về một “thực tế” bên trong một “bối cảnh hào huyền”. Thế giới được ông gợi lên thì thường không có thật, nhưng qua ngòi bút tài tình của ông, nó trở nên rất sống động. Sở dĩ gọi *“sống động”* bởi vì Kafka tạo được cho độc giả cảm tưởng chắc chắn “không bao giờ họ có thể thám hiểm tí mảy may được vào tận sâu bên trong thế giới ấy; mà chỉ có thể mừng tương đó là thế giới nhiều hoa mỹ hơn bất cứ nơi chốn nào.”

*/ **Ngoài ra** trong từng mỗi tác phẩm, Kafka trình bày rõ với độc giả “*cảm giác về sự có mặt vô hình*” của một loạt các nhân vật mà vai trong số đó phải bị hy sinh.

*/ Thế giới thì bao la, thời gian lại quá ngắn.

“Ông nội tôi thường nói: Cuộc đời ngắn một cách đáng ngạc nhiên. Tôi thường ngẫm nghĩ về điều ấy. Cuộc sống xem ra quá rút gọn đến nỗi tôi khó thể hiểu làm thế nào một chàng tuổi trẻ cỡi ngựa đi qua làng kế bên mà không cần e dè – không phải tai nạn—một rủi ro nào đó có thể rơi xuống trên khoảnh khắc cần thiết cho một cuộc cỡi ngựa như vậy.”
 (“Ngôi Làng Kế Cận”).

*/ Thế rồi xuất hiện trong tác phẩm Kafka một thế giới đòi hỏi không hoàn chỉnh –*thế giới Babel*⁴³ —mà con người không biết làm thế nào để xây dựng lại sau khi Thượng Đế đã bỏ rơi nó.

“*Vạn Lý Trường Thành của Trung Hoa*” nói về câu chuyện

“Một ngôi làng không có tên, mất hút trong vùng đất rộng lớn của châu Á. Ở đó không có sự thông tri. Người dân hay biết đó đây về những tin tức liên quan đến cuộc chiến tranh vùng biên giới, nhưng hoàn toàn không nắm rõ chút gì về thủ đô ở xa... Trong thế kỷ cuối cùng, thủ đô bị tàn phá; không lâu sau đó, một thủ đô khác được xây dựng, rồi đến lượt nó cũng bị tàn phá để cái trước được xây dựng lại. Tuy vậy, trước hay sau, cả hai thủ đô đều không gây chút ảnh hưởng mây may nào trên đời sống những người dân vùng tỉnh lỵ nhỏ bé nơi đây.”

[]

V.

(1917-1920)

1.

Năm 1917, Kafka rời bỏ căn nhà song thân để thuê một căn nhà trọ cho riêng ông. Cũng cùng năm ấy, nhà văn biết mình mắc bệnh lao phổi và có thể phải ngưng việc làm ban ngày trong Cơ Sở Bảo Hiểm với chức vụ trưởng phòng đang đảm nhận.⁴⁴

⁴³ **Babel**: tên gọi thành Babylone bằng tiếng Hébreu. (Trong Kinh Tân Ước, Babel chỉ danh là Rome, biểu tượng cho một thành phố được sùng bái). Theo Sáng Thế Ký quyển I của Cựu Ước Kinh, trong Babel còn có một ngọn tháp cao do những kẻ hậu duệ của Noé dựng lên với toan tính với lên được tới trời xanh. Babel cũng ám chỉ cho một thế giới hỗn loạn, nơi con người sử dụng những ngôn ngữ khác nhau; tất cả chỉ nói mà không cần nghe.

⁴⁴ (Cuối cùng năm 1922, con bệnh trở nên tồi tệ hẳn để ông bất buộc phải về hưu sớm.)

*/ Khuynh hướng tự tàn phá tình cảm của Kafka cũng được nhận thức rõ trong sự liên hệ chua cay và vội vã với Milena Jesenká thời gian 1920-1921. Có một mối sợ hãi không tên bao trùm, dày vò nhà văn suốt trong mối tình này: *“Mối quan hệ nóng cháy”* giữa hai người đã nhanh chóng trở thành *“một bức tường, ngọn núi, hay đúng hơn, một nắm mồ!”*

*/ Chia tay với người chồng cũ, Milena Jesenká thuộc vào một trong những gia đình tiếng tăm ở Prague từ khi trận chiến Montagne Blanche (1620) xảy ra.

*/ Viết về Milena, Kafka nhận định:

“Chính tự Milena nhắc nhở tôi một trong những phụ nữ nổi danh của thế kỷ 16; một kiểu nhân vật của Stendhal trong các mục ghi chép về thời đại Ý Đại Lợi cổ xưa –Sanseverina hay Mathilde de la Mole chẳng hạn--: đam mê, táo bạo, nhưng lạnh đạm, thận trọng trong những quyết định. Nàng không ngần ngại trên sự chọn lựa về những kế sách khi điều đó đem được cho nàng những sự thỏa mãn... Tình yêu của nàng thì vô giới hạn, lòng tốt vô giới hạn, tài xoay sở vô giới hạn... nhưng sự đòi hỏi của nàng cũng thật vô giới hạn.”

*/ Sự liên lạc thư từ giữa Kafka và Miléna bắt đầu từ 1920 tại Merano, đưa đến kết quả là một tình yêu say đắm. Nhưng Kafka thú nhận với người ông yêu rằng: *“Thật khó cho anh nếu phải sống như người bình thường nào khác.”*

*/ Trong mối tình gắn bó với nàng, nhà văn cảm nghe sợ hãi nhiều hơn hạnh phúc, dù rằng ông viết: *“Nếu sự đau khổ không còn nữa, tôi sẽ bỏ rơi đời sống mình dễ dàng như khi nhắm mắt lại.”*

Ở đây, Kafka không chỉ nói đến sự *“khủng hoảng giai đoạn”* đang tái diễn, mà chính là một *“nỗi đe dọa thường xuyên”* không thể chia lìa với cuộc đời riêng ông: *“Tôi sẽ không bao giờ ngừng cảm nghe sợ hãi, đặc biệt trong tâm hồn riêng.”*

*/ Chính tự tình yêu, bắt đầu với *“xác thịt góm ghiếc”* làm tăng nỗi đe dọa. Miléna về sau đã buồn rầu nhận xét:

“Không viện an dưỡng nào có thể chữa trị được cho anh ấy, không bao giờ anh ấy còn hồi phục. Sự thống khổ của anh ấy không chỉ đến từ tôi, lại còn bao gồm vô số điều khác nữa, chẳng hạn như xác thịt. Xác thịt thì quá trần trụi, anh ấy không thể nhìn nó với sự chịu đựng hay khoan thứ.”

*/ Tình yêu của Miléna ví như một con dao mà Kafka dùng để thăm dò những vết thương trong chính mình. Cuối cùng nhà văn tự đi đến điều *“yêu nỗi sợ hãi của riêng ông”*: *“Nàng rất xứng đáng với tình yêu, nhưng còn tôi thì lại chẳng có gì để đáp ứng được cho nàng hết.”*

2.

Cứ vậy, dần dần một cách vững định, nhà văn tự kéo mình về hướng điên loạn mà ông kinh sợ nhưng cũng bị quyến rũ thật nhiều. Từ chối hạnh phúc, bỏ mất tình yêu, Kafka biết mình không thể chịu đựng gánh nặng hôn nhân và trách nhiệm làm cha. Nhà văn đã tâm sự với Max Brod như sau:

“Những gì tôi làm, tôi chỉ có thể làm một mình. Nói rõ hơn thì số phận của một người Do Thái Tây phương như tôi không được sáng sủa; vì thế tôi không có quyền lập gia đình.”

*/ Nhưng dù bất cứ lý do chủ yếu nào trên sự chọn lựa, rõ ràng kẻ hậu duệ duy nhất của Kafka phải là các sáng tác của ông. Ông đã từ bỏ hôn nhân để bảo trì sự viết. Ông tách rời công việc làm sau khi nhận thức được thiên hướng văn chương đặc biệt của mình. Trong nhật ký, Kafka đã ghi:

“Tất cả mọi thứ cùng kéo về theo chiều hướng này để tôi không còn thì giờ cho những liên tưởng tới các thú vui về xác thịt, ăn uống, và trên hết, âm nhạc. Tôi đã trở thành yếu đi trong đủ mọi cách. Việc đó tất nhiên, bởi vì sức khoẻ tôi quá tồi tàn để có thể bắt đầu một điều gì khác, trong khi đích nhắm văn chương đòi hỏi một sự tập trung dữ dội trên nó.”

*/ Khi cảm nghe bệnh, Kafka cho rằng bệnh hoạn là dấu hiệu được gửi đến từ Thượng Đế để hợp thức hóa sự cô đơn của ông. Đau đớn vì chứng lao phổi xuất hiện tháng 9/1917, vậy mà ông lại thấy như đã được giải thoát khỏi một sức mạnh lớn lao bấy lâu đè bẹp lên người.

*/ Kafka lý luận, không phải ông, mà chính là Thượng Đế đã khiến ông không có khả năng để sống:

“Không tình yêu, không nghề nghiệp, không bạn hữu, cô đơn và tự do cho đến cùng cuộc đời...”

*/ Đó không phải là “sự lười biếng hay ước muốn bệnh hoạn”, nguyên nhân khiến ông trở nên thất bại hoàn toàn trong mọi hoàn cảnh; mà chính là “sự thiếu vắng đất đai, không khí, luật lệ”:

“Nhiệm vụ của tôi là phải sáng tạo những điều này cho mình.”

*/ Nhà văn thôi không còn muốn đóng vai trò một đứa trẻ đã lớn mà còn ngây dại nữa:

“Tôi đang ở vào giai đoạn cuối hoặc đang trở lại lúc bắt đầu.”

*/ Dù vậy, ngay từ khởi thủy, nhà văn đã không có gì cả. Ông phải tự kiếm tìm và thực hiện mọi thứ: *Cái giá của hạnh phúc, sức khoẻ, cuộc sống và có lẽ, tính toàn vẹn của tinh thần ông.*

[]

VI. (1920--1945)

1.

Sau 1920, sự “*biến hình*” hoàn tất. “*Tôi đã biến thành một kẻ khác*”. Thân xác Kafka gầy mòn đi để làm thuận tiện hơn cho sự lớn mạnh của “*con vật thần thoại mang tính người*” trong ông –kẻ duy nhất có khả năng băng ngang qua “*biên giới cuối cùng trên mặt đất*” và kể lại những gì xảy ra trong “*một thế giới khác*”.

*/ Sự quyết định không chung sống với Milena (và sự gặp gỡ quá trễ với Dora Dymant –nổi suy tưởng cuối cùng về phụ nữ—vào năm 1923) đã làm hoàn tất sự xa lạ kỳ quặc của nhà văn đối với những người chung quanh. Ông tự bỏ mặc thân xác khô khan của mình trong việc sửa soạn cái chết gần đến; chờ đợi cái chết với đôi mắt mở rộng. Sự liên hệ giữa ông và đời sống cạn dần đi xuyên qua một cuộc giải phẫu làm cho ông tin tưởng hơn vào “*sự phục sinh*” trong thế giới khác mà ông tự vẽ ra mỗi ngày mỗi đậm. “*Hơi thở sinh động*” dường như sắp kết thúc, nhưng “*tự do*” lại đến gần hơn trước mặt nhà văn.

*/ Năm 1919 và 1920, quyển *Nhật Ký* của Kafka được thu tóm lại trong vài giòng quyết định như sau:

“Cái linh cảm về một sự tự do cuối cùng thì tuyệt nhiên không bác bỏ lại sự kiện rằng, ngày hôm sau, tình trạng bị giam cầm cấu trúc tiếp tục như cũ --hay còn tệ hơn-- sẽ không bao giờ chấm dứt. Tất cả những điều này, trên mặt đối lại, có thể là điều kiện tiên quyết cần thiết của sự tự do cuối cùng.” (9/1/1920)

*/ Và để đạt được “*tự do hoàn toàn*”, Kafka đưa tặng Milena quyển nhật ký của mình.

2.

Sức khoẻ Kafka suy sụp hẳn. Bệnh lao phổi bị vướng từ 1917, trở nặng hơn. “*Tôi để thân xác tôi trong tình trạng suy tàn. Tôi muốn trốn tránh tất cả mọi thứ giải khuây, cách biệt khỏi cuộc sống dục vọng của một kẻ khoẻ mạnh bình thường.*”

*/ Khi đi dạo, nhà văn nhìn những người chung quanh với “*sự nhả nhặn hạ cố pha ý nghĩ rằng họ chỉ luôn bận rộn với những điều bình thường và chuyên chở ảo tưởng hạnh phúc con người.*”

*/ Giữa sự điên loạn chôn vùi trong đầu “*giống như trong một tấm vải liệm*”, kẻ bộ hành cô đơn chắc chắn đã cảm nghe ganh tị với hạnh phúc của những đôi lứa gặp bên đường, dù ông nhận thức được rõ rằng *nếu như “bi vướng vào một trong những kết hợp hạnh phúc này, tôi sẽ vô cùng tuyệt vọng.*”

*/ Cứ vậy, năm này qua năm khác, Kafka tự tàn hủy chính mình. Mọi chương ngại sắp sửa được dẹp hết. Cái gì rồi sẽ xảy ra?

Bây giờ nhà văn đã biết rằng mình “sẽ chết để khám phá ra vùng Đất Hứa.” Nhưng trong khi chờ đợi hành động cuối cùng đó, ông phải vượt qua một cảm giác đau đớn dữ dội. Sống, ông đã “không đi đến cuối cuộc đời”; không chịu nắm lấy bàn tay giúp đỡ của kẻ khác hầu có thể “xua tan những nỗi tuyệt vọng mang đến bởi số phận”.

Ngay từ đầu năm 1920, trong khi điều trị bệnh tại Merano, Kafka hy vọng rằng “bàn tay giúp đỡ” này sẽ tới từ Milena Jesenká. Nhưng nêu như ông nắm đến nó, ông lại không dám giữ chặt lấy. Ông tự đầu hàng trước nỗi sợ của mình và đắm chìm sâu hơn nữa vào sự cô đơn, ngay cả trong khi tình yêu lôi kéo từ trái tim ông những tiếng kêu đau đớn:

“Và anh yêu em, điên cuồng, như biển cả yêu làn cát mịn dưới đáy sâu. Tình yêu của anh không chút nào mang ý nghĩa muốn chiếm hữu em. (...) Nhưng khi anh nói rằng em là người anh yêu nhất thì có lẽ đó không phải là tình yêu. (...) Tình yêu không phải là con dao để anh cầm nó mà đâm vào vết thương của mình. Milena ạ, tại sao em lại nói với anh về một tương lai bình thường sẽ không thể nào có nổi? (...) Một trong những điều chắc chắn anh biết là chúng ta sẽ không bao giờ sống chung được với nhau trong cùng một nhà, ngồi ăn cùng một bàn, luôn cả ở chung trong cùng một tỉnh nữa.”

*/ Bị dày vò bởi những thay đổi bất thường của bệnh hoạn và của các lần di chuyển từ vùng bờ biển nghỉ mát đến dưỡng trí viện, từ Kilkova đến Dlouhá Tria, từ Tatra đến Prague, và từ Spindelmühle đến Muritz, năm 1921 và 1922, Kafka liên tục chia thì giờ giữa thủ đô Czech và vùng đồi núi.

*/ Vào tuổi 40, nhà văn mong muốn được nghỉ ngơi, nhưng ông biết không còn đủ khả năng để làm điều ấy nữa. Tương lai bây giờ chỉ là một vầng mây kinh khủng bao phủ trên hiện tại tối mù. Rõ ràng Kafka là một trong những người Do Thái Âu Châu không thoải mái, trong đời chưa từng biết lấy một giây phút nào bình yên.

3.

Từ tháng 1 đến tháng 9/1922, Kafka cho chào đời quyển tiểu thuyết thứ ba: *Tòa Lâu Đài* (Das Schloss), tác phẩm cuối cùng của ông:

“Không gian là ngôi làng đặt dưới quyền cai trị của những người trong một tòa lâu đài. Thời gian dường như ngưng đọng trong vùng trời hiu hắt giá lạnh ấy. Tất cả mọi việc xảy ra trong đêm tối. Nhân vật K. tìm đến ngôi làng với ý định đòi hỏi được làm quản lý theo chỉ thị của những người có quyền trong tòa lâu đài.”

*Nhưng hẳn chi toàn gặp những điều khó khăn, kỳ dị, làm chán nản hay cản trở mục đích. Sự đòi hỏi của hẳn bị từ chối bởi những viên chức trong làng. Hẳn bèn cố gắng bằng mọi cách để đạt đến sự thừa nhận của nhà cầm quyền” (mà ý nghĩa của nó cũng rất khó nắm như trong buổi xử nhân vật Joseph K. của quyền *Phiên Tòa*)*

Tuy nhiên, trong *Tòa Lâu Đài*,

K. không phải là nạn nhân mà là một kẻ gây sự, đối đầu với cả hai nhóm viên chức kiêu căng và đám dân làng, những kẻ chấp nhận tuân theo quyền hành trong tòa lâu đài. Tất cả mọi mưu mẹo của K. đều thất bại.

(Và cũng giống như Joseph K.)

K làm tình với một người hầu gái tên Frieda, nhưng nàng bỏ hẳn khi khám phá ra rằng hẳn chỉ đơn giản dùng nàng như một con cờ.”

*/ Quyền tiểu thuyết dở dang, nhưng Max Brod về sau thố lộ rằng Kafka có ý định “*để cho K. chết vì kiệt sức theo những cố gắng, nhưng trên giường chết, hẳn sẽ được phép cho ở lại làng.*”

*/ Có những yếu tố mới trong tiểu thuyết này. Đó là sự bi thảm mà không phải là tàn phá. Trong khi phần lớn các nhân vật của K. đều là những kẻ năng động thì

“Frieda lại là một con người cương quyết, trầm tĩnh và thực tế. K. tìm thấy trong bản thể nàng vài điểm sáng suốt cung ứng được giải pháp thích hợp cho sự tìm kiếm của hẳn. Và khi hẳn nói về nàng với giọng điệu đầy tình cảm thì dường như trong chính hẳn cũng bị vỡ òa theo ý thức về một nỗi cô đơn.”

4.

Thời gian này, phong trào “*bài ngôn ngữ Semitic*” lại nổi lên dữ dội lần nữa tại Prague. Vì vậy có một lúc, Kafka phải sống trong sự bảo vệ của cảnh binh.

*/ “*Nôi diên*” của Kafka chẳng dẫu đi chút nào. Vào mùa hè 1923, ông cùng các em gái và các đứa cháu đến nghỉ mát trong tỉnh Muritz trên vùng bờ biển Baltic. Tại đây, với ý muốn tìm sự giải trí, nhà văn gia nhập vào một nhóm người Do Thái–Berlin cũng đang nghỉ hè. Quà nhiên, ông cảm nghe vui thú thật trong tất cả mọi hành động với họ. Cũng tại đây, Kafka gặp **Dora Dymant**, một phụ nữ Do Thái–Ba Lan lớn lên trong truyền thống Hassidisme⁴⁵ nhưng luôn tìm cách thoát khỏi

⁴⁵ **Hassidisme**: Từ ngữ dùng chỉ 2 xu hướng thần học Do Thái, một, nảy sinh trong thời Trung Cổ (thế kỷ 12-13) và một, nảy sinh trong thế kỷ 19. + Phái **Curu**

gia đình nghiêm ngặt bị kèm chế bởi các điều luật Moses không thể hiểu thấu.

*/ Thoạt tiên Dora sống ở Breslau, sau nữa, Berlin. Nàng có hai mối đam mê rõ rệt trái nghịch nhau: *đại nhạc kịch và ngôn ngữ Hebrew*.

*/ Trong sự giao thiệp với Dora, Kafka tỏ ra rất thích thú. Nhà văn chuyên tâm học tiếng Hebrew, đọc lớn giọng với nàng những đoạn dài từ cuốn sách của Isaie. Ông khai triển nỗi thích thú sống động theo khát vọng của người Do Thái phục quốc, học văn chương bình dân Do Thái, đọc kinh Talmud và kiếm tìm trong quyển kinh này những điểm trùng hợp về lý lẽ và mâu thuẫn của chính ông. Chẳng bao lâu, một tình yêu mới nổi dậy: *tia nắng cuối cùng của mùa thu âm đạm đã hiện ra làm sáng lại tâm hồn Kafka*.

5.

*/ Lần đầu tiên, Kafka quyết định cố gắng tự đặt mình vào một đời sống bình thường. Nhà văn đã sẵn sàng để cùng Dora thử nghiệm cuộc hôn nhân mà ông từ chối không nhận với Milena. Điều này có lẽ nảy sinh từ sự kiện thích đáng rằng Dora là người Do Thái, trong khi Milena không phải.

*/ *“Không tổ tiên, hôn nhân, giòng giống, và với một ước muốn mạnh mẽ”* Kafka cố gắng tạo dựng cho chính mình một *“nơi ẩn núp”* vì sự cần thiết phải có một *“gốc rễ.”* Không ngã lòng bởi những phản đối của gia đình, nhà văn sống với Dora trong những vùng ngoại ô Berlin, đầu tiên là Steglitz, rồi lại Zehlendorf.

*/ Phải chăng rồi cuối cùng Kafka cũng khám phá ra *“nỗi hạnh phúc của một người có gia đình”* dù rằng ông từng viết:

“Hạnh phúc là điều vượt khỏi tầm tay tôi; nếu không thế, tôi cũng chẳng thể nào cứu mang nó được.”

*/ Dẫu sao, Kafka cũng đã tìm ra sự lãng điệu, thanh thoi, gần như sung sướng; tránh xa được những *“con quỷ”* trong ông.

Hassidisme được tổ chức một cách mạnh mẽ theo truyền thống phong tục tập quán của Do Thái - Đức và cũng gây một ảnh hưởng không nhỏ đối với Do Thái - Pháp và những Kabbalistes - Tây Ban Nha. + Những đặc điểm chính của phái này là từ bỏ sự khổ tu, duy trì sự suy tưởng; và tình thương cho tha nhân được thúc đẩy tới một mức độ rất cao.

+ Phái **Tân Hassidisme** phát sinh vào giữa thế kỷ 18 ở Ukraine, được sáng lập bởi con-người-huyền-thoại Ba'al Shem Tov (1700-1760). + Bỏ qua những truyền thống thuộc về kinh Talmul của Do Thái giáo, nhóm Tân Hassidisme xưng tụng vua David và tin tưởng vào những lời sấm giảng. + Giống như một yếu tố cốt tủy, giáo phái chủ trương dung nạp sự hưởng thụ niềm vui và không tiếp nhận tất cả mọi hình thức của khổ hạnh. + Thời đại hôm nay, phái Tân Hassidisme đã thành lập được nhiều nhóm rất nhiệt tâm trong cộng đồng Do Thái.

“Chúng sục sạo nhưng không tìm nổi tôi, ít nhất là một lúc nào đó.”

*/ Max Brod cũng viết: “Tôi nhận rằng Kafka thực sự sung sướng với người tình của anh.”

*/ Nhà văn bắt đầu ngủ ngon, “một điều lạ thường chưa từng nghe thấy trong nhiều năm trước đó.”

6.

Sự sáng tác khi ấy lại trở thành dễ dàng như chẳng chút nào cố gắng, nhà văn sửa soạn để xuất bản các đoản văn: *Cái Hang, Josephine, Người Ca Sĩ, Bài Học Về Một Con Chó*; đồng thời với bốn truyện ngắn trong tập *Chàng Nghệ Sĩ Đói* (do chính Max Brod tìm ra nhà xuất bản Schmiede cho Kafka.)

*/ Xem ra “sự cứu độ thật sự” đã được tìm thấy, dẫu muộn màng giai đoạn. Lần đầu tiên trong đời, Kafka khám phá ra rằng ông có thể “sống chung với một kẻ khác”, có thể kết hợp đôi lứa với người ông yêu. Đây phải kể là sự soi rọi đặc biệt làm ông kiêu hãnh nếu như ông có khả năng để kiêu hãnh.

7.

Nhưng rồi “*những con quỷ*” trở lại, độc ác và đông đảo hơn. Chúng bắt Kafka phải trả giá cho cái hạnh phúc không hợp thời ấy bằng hàng ngàn dấu hiệu: *mùa đông khắc nghiệt năm 1923 ở Berlin; sự suy sụp của Berlin từ sau cuộc bại trận của quân đội Đức ở Rhur, thành phố kỹ nghệ của Đức, trong cuộc chiến tranh với Pháp. Giai cấp trung lưu bị ngã quỵ hết.*

*/ Kafka cũng ở trong hoàn cảnh như thế: *nhà cửa, thực phẩm, chi phí vật chất lên cao nhanh hơn số thu nhập khiêm nhường của ông.* Hơn nữa, ông phải trang trải những món tiền đắt đỏ quá cần thiết cho bệnh viện. “*Muốn sống nơi đây, người ta phải kiếm cho ra đồng mark bằng vàng*”, Kafka đã viết như thế về giai đoạn này ở Berlin.

*/ Trong nhiều năm qua, nhà văn bị lên cơn sốt buổi chiều. Cuối cùng, ông đành chấp nhận chứng bệnh lao và hy vọng có thể dần xẹp để sống ổn thỏa với nó. Dưỡng trí viện thì quá đắt; ông không thể nghĩ đến nữa.

*/ Nhưng ông bà Hermann Kafka, được báo động bởi Max Brod, tỏ ra lo sợ cho con trai. Ngày 17/8/1924, chính Max Brod đưa bạn từ Berlin về Prague với đôi vòng tay đang mở rộng của song thân nhà văn. Kafka khi ấy từ dừng lại, không còn muốn “*bình đẳng cha con*” và lần nữa trở nên là đứa trẻ nhẹ nhàng như trong cuộc đời đã qua ông từng đóng quá

lâu vai trò ấy. Điều này đối với ông giống như một sự thất bại trong tất cả những dự tính độc lập cuộc sống. “Được bảo vệ và kiệt sức”, ông không còn đủ sức mạnh để mang ý định bỏ đi.

8.

Tất cả mọi thứ chung quanh Kafka xem ra đang dẫn dần đến sự tiên đoán một cái chết. Tiệp Khắc năm 1924, giống như Áo – Hung năm 1914, chỉ là một sự kết hợp mỏng manh giữa những dân tộc khác chính thể, được thêm muốn bởi một nước Đức mạnh mẽ và sẽ phải sớm sụp đổ làm môi cho chủ nghĩa Hitler.

*/ Chính Kafka cũng bị nghi ngờ: nghi ngờ như một người Do Thái dưới mắt người Tiệp và người Đức chung quanh; nghi ngờ như một người Đức và một người Tiệp giữa công đồng Do Thái. Mỗi buổi sáng thức giậy là một lần nhà văn được nhắc nhở rằng ông không có tương lai, trừ ra sự chết. Nhưng với sự chết, Kafka lại không nghe sợ hãi bởi vì đó là điều cuối cùng phải xảy ra, một cánh cửa mà bất cứ ai cũng phải đi qua sau khi kết thúc đoạn đường trần gian.

*/ Luôn luôn Kafka tin rằng “Viết chính là sự cứu độ tuyệt diệu”; nhưng nhà văn sớm thừa nhận rằng nó “cũng là một thử thách dữ dội”. Suốt cuộc đời đã qua, Kafka không ngừng sáng tác “dù bất cứ giá nào và điều gì xảy ra chăng nữa”, bởi vì “sáng tác chính thực mang ý nghĩa tồn tại trong một cuộc sống không phải để người ta gìn giữ, mà là để tránh đi sự mất mát hoàn toàn của cuộc sống ấy.”

*/ Sự tìm kiếm lên đến cực độ và chuyển thành điên loạn.

*/ Kể từ cái đêm 22/9/1912 khi viết truyện ngắn *Sự Phán Xét*, nhà văn đã vượt qua “biên giới cuối cùng của trần gian”. Ông đã chấp nhận bước vào con đường “khác biệt hẳn con đường của mọi kẻ”, đóng kín đời sống bên trong sự sáng tác, để “rút được từ khoảng không những lời” vượt khỏi sự cân bằng tâm trí với mục đích “không phải để sống trong bình an mà là để chết trong bình an.”

*/ Tiếng than của Kafka vang vọng suốt qua những trang nhật ký không phải là tiếng than của một người bị “vùi dập nghìn năm dưới đáy đại dương sâu thẳm” thôi, mà còn là ***tiếng than của một kẻ không thể nào tìm ra ánh sáng an ủi và vẫn mãi dò dẫm trong đêm tối để mong tìm về vùng Đất Hứa.***

*/ Rồi, cũng chính Kafka đã đưa ra câu đáp:

“Không phải cuộc sống quá ngắn làm cho Moses thất bại trong việc tìm đến Canaan, mà sự thất bại xảy ra chỉ vì ông ta đã sống cuộc sống của một con người.”

9.

Mọi sự biến chuyển nhanh chóng, đầu tháng 4/1924, chứng lao phổi trở nên trầm trọng, nhà văn được đem trở lại bệnh viện. Nhưng kết quả thử nghiệm y khoa lại quá xấu đến nỗi ở đây người ta từ chối không nhận ông: *thanh quản của ông đã hoàn toàn bị làm độc.*

*/ Đồi sang bệnh viện của giáo sư Hajek ở Vienne, Kafka vẫn không thoải mái: dù rằng với sự can thiệp của nhà văn Áo Franz Werfel, Kafka vẫn chỉ được chữa chạy y hết mọi người, *“một bệnh nhân tại phòng..., số...”* Cuối cùng gia đình đem Kafka sang Kierling, gần Vienne. Nơi đây, nhà văn có được một phòng đầy hoa và hằng ngày Dora chăm sóc cho ông.

*/ Kafka quyết định hỏi Dora làm vợ nhưng rồi cũng như bao lần, vẫn không dám nghĩ là ý muốn mình sẽ được thỏa mãn. Trong một lá thư rất khiêm nhường, nhà văn giải thích với người cha của Dora rằng ông không phải là *“người tin tưởng thật sự”* mà chỉ là *“một kẻ hời hợt, sẽ phải mất rất nhiều thì giờ cải sửa mới có thể xứng đáng với Dora”*.

*/ Sau khi nhận được lá thư lạ lùng này, người cha Dora bàn bạc với một giáo sĩ Do Thái, để rồi bị cản ngăn không nên chấp nhận bệnh nhân trong vai trò chàng rể.

*/ Biết chuyện, Kafka điếng người.

*/ Nhà văn đã hoàn thành hành động hiểm hoi trong đời: *“Chấp nhận sự giao tiếp với thế giới bên ngoài bằng cách tư đưa tay ra nắm lấy bàn tay một kẻ khác.”*

*/ Và nếu như bàn tay này bỏ rơi ông ngay khúc quanh khó khăn nhất thì đó *không phải là lỗi tư ông.* Lúc bấy giờ không còn là thời điểm khởi đầu một môi trường cuộc đời nữa.

*“Viên đá lát đường đã vỡ rất lâu rồi trước khi rơi vào nước (...)
Ở đây không phải là lỗi của tôi, hay của người khác. Tôi thuộc về sự im lặng sâu thẳm; đó là tâm cảm đã suốt đời đeo đuổi theo tôi.”*

10.

Tháng 5/1924, lồng ngực và thanh quản Kafka rơi vào trạng thái không một chuyên gia nào có thể chữa trị hơn nữa, và điều hữu hiệu duy nhất là dùng á phiện để làm dịu cơn đau. Nhà văn không thể nói chuyện nhiều và ngay cả thông tri bằng cách viết lách với mọi người chung quanh.

*/ Từ đó, tất cả đều tuân tự tiến hành đến bậc thang chót. *“Thời kỳ cuối cùng”* đã đến, thời kỳ của những

“giây phút kinh khủng không thể kể cho xiết. Không còn những cuộc đi dạo; không còn ban đêm ban ngày, không còn khả năng cho bất cứ điều gì nữa, trừ ra đau khổ.”

*/ Tháng 5 sáng sủa rơi xuống trên dưỡng trí viện. Cũng trong chính Kafka, một tâm lý cực kỳ minh mẫn vẫn tiếp tục hoạt động dưới lớp vỏ thân xác tả tơi bề ngoài.

“Cách duy nhất để an ủi là hãy tư như: điều gì xảy ra sẽ phải xảy ra thôi, dù muốn hay không. Và hơn cả mọi nỗi an ủi, điều muốn ấy chỉ cần một vũ khí ủng hộ rất tinh tế từ trong chính bạn: Đó là ý chí của bạn.”

*/ Ở trên là những câu nhật ký cuối cùng, được viết ra từ năm trước, 1923. Không ngờ gì nữa, Kafka biết rằng ông đang đến gần cái chết và “sự cuối cùng sẽ là sự bắt đầu” của tất cả mọi sự.

*/ Ngày thứ Hai 2/6/1924, nhà văn nhờ người viết một lá thư gửi đến song thân, can họ đừng đến Kierling. Ông báo rằng đã khá hơn, dù không khá đủ để chào đón họ và khó thể chuyện trò cùng họ. Ông nhận chịu đau khổ một cách điều cốt để làm yên lòng gia đình.

*/ Đêm thứ Ba 3/6/1924, Kafka nghe khó thở và hỏi xin vị bác sĩ một liều á phiện. Khi thấy vẻ ngần ngại của bác sĩ, Kafka nói: *“Xin hãy giết tôi đi! Hoặc chính ông là kẻ sát nhân!”*

Khoảnh khắc sau đó, nhà văn xé nát túi giấy đựng nước đá, ném lên sàn nhà: *“Tại sao hành hạ tôi mãi thế?”*

Lúc bước ra ngoài, bác sĩ Klopstock quay lại trấn an người bệnh: *“Tôi không rời ông đâu!”* Tức thì Kafka đáp: *“Còn tôi thì đang sắp sửa rời ông!”*

*/ (Ngay cả khi gần kề cái chết, Kafka vẫn không để mất tính khí hài hước nhiều năm vẫn được dùng như cái mặt nạ giúp ông chống đỡ cuộc sống mà mãi mãi ông vẫn còn không thỏa hiệp nổi.)

Sau đó rất nhanh, Kafka qua đời.

[]

VII. (1920--1945) (Tiếp)

1.

Trước cái chết nhà văn, tất cả mọi người bạn đều sâu xa nhận thức ra sự mất mát của họ. Nằm phục xuống bên cạnh xác Kafka, Dora Dymant gọi tên ông trong nhiều giờ. Bác sĩ Klopstock, người về sau trở nên một

chuyên gia nổi tiếng về bệnh phổi, đã kể lại cảm tưởng riêng khi đứng ngắm nhìn khuôn mặt trắng nhợt của Kafka nơi giường chết:

“Sự sống trong người ông đã biến mất, nhưng cái tinh thần vô song vẫn còn hiện diện trên những đường nét cứng rắn của khuôn mặt có vẻ đẹp giống như một bức tượng cổ bằng đá hoa sáng loáng.”

*/ Gia đình Kafka chôn cất ông trong một nghĩa trang Do Thái ở Prague vào buổi sáng âm u buồn thảm **ngày 11/6/1924**. Dora Dymant quy xuống bên nấm mộ. Có đám đông bao quanh, trong đó gồm song thân và ba cô em gái (những người cùng chết cả trong trại tập trung Đức Quốc Xã vào năm 1942).

*/ Một lần Kafka đã viết cho Miléna: *“Anh phải thú nhận rằng có lúc anh ganh tị ghê lắm với kẻ được đặt nằm dưới những bó hoa...”*

Đến lúc này thì chính nhà văn đang trải qua điều thềm muốn ấy.

2.

Sau khi Kafka chết đi, gia đình ông tìm thấy nơi bàn viết, giữa đống giấy má lộn xộn, có một lá thư nhỏ gấp lại, đề địa chỉ Max Brod, bên trong chứa đựng những giòng bằng mực như sau:

“Max rất thân ái,

Lời yêu cầu cuối cùng của tôi: tất cả những gì tôi lưu lại (trong tủ sách, tủ áo quần và cả hai bàn viết ở nhà lẫn ở văn phòng, hoặc bất cứ nơi nào khác bạn có thể tìm thấy) trong hình thức nhật ký, bản thảo, thư từ (của tôi viết hay người khác gửi tôi), các sơ đồ. v.v., xin bạn đốt cả đi, đừng nên đọc đến. + Cũng vậy, tất cả những bản văn và phác thảo mà bạn hay các bạn khác đã có được; xin hãy nhân danh tôi, yêu cầu họ điều này. + Những thư từ nếu không muốn trao cho bạn, ít nhất họ phải hứa một cách thành thật rằng chính tay họ cũng sẽ đốt đi.

Thân ái, Franz Kafka.”

*/ Tuy nhiên Max Brod đã không thực hiện điều ước muốn cuối cùng của người bạn thiết. Cũng nhờ vậy mà những đứa con tinh thần của Kafka mới lưu lại được trong vị trí ngày càng rực sáng, sau khi người cha cấu tạo ra chúng đã biến mất khỏi trần gian.

Điều nói trên cũng giống như một đoạn thư Kafka từng giải thích với Miléna về việc **“tác phẩm bắt đầu sống thật (hay không) kể từ sau cái chết của nhà văn”**:

“Thông thường, các nhà văn còn sống luôn luôn muốn duy trì một sự sinh động trong các tác phẩm của họ. Họ đấu tranh để có được sự sinh động ấy chỉ là vì họ đang hiện hữu.

“Thông thường, các nhà văn còn sống luôn luôn muốn duy trì một sự sinh động trong các tác phẩm của họ. Họ đấu tranh để có được sự sinh động ấy chỉ là vì họ đang hiện hữu.

Sự thật, cuộc sống độc lập của một quyển sách được bắt đầu là ngay từ sau khi tác giả đã chết. + Khi ấy, tác phẩm tự nó có thể đứng vững (hay không) đều NHỜ VÀO SỨC SỐNG RIÊNG (có hay không) TRONG CHÍNH NÓ.”

(Trần Thị Bông Giấy)

*/ Viết xong tại San Jose, Cali. Tháng 5/1993.

*/ Xuất bản lần đầu trong Tài Hoa Mệnh Bạc Tập II,
NXB Văn Uyển, May 1995.

*/ Edited hoàn hảo lần cuối tại Khách sạn Song Linh, 64 Trần Phú,
Nha Trang, đêm thứ Sáu, June 17/2016).

□

Tài liệu tham khảo:

*/ Pháp ngữ:

“*Franz Kafka, Sa Vie et Son Oeuvre*”

(Max Brod), (Éditions Gallimard, 1945).

“*Seul, comme Franz Kafka*”

(M. Robert, 1979)

“*Kafka ou le Mystère juif*”

(A. Nemeth Vigneau, 1947)

“*Le Nouveau Dictionnaire des Oeuvres*”

(Editions Robert Laffont, 1994).

*/ Anh ngữ:

“*The cas of Franz Kafka*”

(Frederik B. Glasser, 1964)

“*Franz Kafka, Parable and Paradox*”

(Heinz Polizer, 1962).

“*The Nightmare of Reason: A Life of Franz Kafka*”

(Ernst Pawel, 1984).

“*Kafka: A Collection of Critical Essays*”

(Ronald D. Gray, 1962).

□

